



act:onaid



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ

**CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG,
TỈNH LAI CHÂU (LRP14)
(2006 - 2015)**

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ

**CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ
PHÁT TRIỂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG,
TỈNH LAI CHÂU (LRP14)**

(2006 - 2015)

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
PHẦN I. BỐI CẢNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH	4
1.1. Bối cảnh chương trình	4
1.2. Các hoạt động của Chương trình hỗ trợ Phát triển huyện Tam Đường.....	5
PHẦN II. ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH.....	9
2.1. Tính phù hợp của Chương trình LPR14	9
2.1.1. Cơ sở triển khai chương trình	9
2.1.2. Sự phù hợp của các hoạt động can thiệp và hỗ trợ	9
2.2. Tính hiệu quả	11
2.3. Hiệu suất	23
2.4. Tác động.....	24
2.5. Nhân rộng, bền vững	31
PHẦN III. NHỮNG CÂU CHUYỆN ĐIỂN HÌNH VỀ SỰ THAY ĐỔI TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	33
3.1. Ưu tiên PP1 - Mạnh dạn áp dụng kỹ thuật mới cải thiện hoạt động chăn nuôi	33
3.2. Ưu tiên PP4 - Áp dụng kiến thức mới giảm nhẹ rủi ro thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	34
3.3. Ưu tiên PP5 - Tham gia vào dự án, tự tin hơn trong cuộc sống	35
PHẦN IV. KẾT LUẬN	36
4.1. Những thành công nổi bật của Chương trình	36
4.2. Những ưu điểm, thuận lợi của Chương trình	38
4.3. Một số hạn chế, khó khăn trong việc thực hiện Chương trình	39
4.4. Bài học và khuyến nghị	40

DANH MỤC VIẾT TẮT

AAI	ActionAid Quốc tế
AAV	ActionAid Việt nam
ANLT	An ninh lương thực
BĐG	Bình đẳng giới
BĐKH	Biến đổi khí hậu
BHYT	Bảo hiểm y tế
BLGD	Bạo lực gia đình
BQL	Ban quản lý
CBQL	Cán bộ quản lý
CLB	Câu lạc bộ
CSPV	Chiến lược quốc gia lần thứ 5
SKSS	Sức khỏe sinh sản
DVC	Dịch vụ công
GCNQSD	Giấy chứng nhận quyền sử dụng
HDV	Hướng dẫn viên
HĐND	Hội đồng nhân dân
HGD	Hộ gia đình
HRBA	Các tiếp cận dựa trên quyền

HTCĐ	Học tập cộng đồng
KHHGD	Kế hoạch hóa gia đình
KTXH	Kinh tế - xã hội
LRP14	Chương trình Hỗ trợ Phát triển huyện Tam Đường
NTL	Người trả lời
PNGNTT	Phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai
PTCĐ	Phát triển cộng đồng
PTNS	Phân tích ngân sách
REFLECT	Các lớp xoá mù- phát triển cộng đồng
QLCT	Quản lý chương trình
THCS	Trung học cơ sở
TTHTCĐ	Trung tâm học tập cộng đồng
UBND	Ủy ban nhân dân
WTO	Tổ chức Thương mại thế giới
XMC	Xóa mù chữ
YLEPA	Chương trình lãnh đạo trẻ trong việc tăng cường trách nhiệm giải trình của các đơn vị cung cấp dịch vụ công



PHẦN I. BỐI CẢNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Bối cảnh chương trình

Tam Đường là huyện vùng cao nằm ở cửa ngõ Tỉnh Lai Châu, có diện tích tự nhiên là 684,52 km² nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Lai Châu, cách trung tâm tỉnh lỵ gần 30 km theo quốc lộ 4D. Về dân số Tam Đường có 13 xã, thị trấn, với dân số khoảng 53.000 người, là nơi sinh sống của 12 dân tộc, trong đó, đông nhất là dân tộc Thái (34%) và dân tộc Mông (22,3%).

Những khó khăn còn tồn tại của địa phương vẫn chủ yếu tập trung vào các vấn đề về sự đa thành phần của các dân tộc thiểu số tại huyện, tỷ lệ nghèo vẫn còn cao, trình độ dân trí còn hạn chế, tình trạng bất bình đẳng giới, nạn tảo hôn. Đường giao thông đi lại vẫn còn khó khăn trong các xã Dự án đặc biệt là các xã vùng sâu vùng xa. Ngành nghề chính của người dân trong huyện là sản xuất nông nghiệp. Tỷ lệ đói nghèo của toàn huyện chiếm tỷ lệ vẫn còn cao trên 15% trong năm 2015, chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số.

AAV là một trong những tổ chức tiên phong và tích cực trong lĩnh vực xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam. Để hỗ trợ Huyện Tam Đường trong việc giải quyết các khó khăn tồn tại nhằm phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, năm 2006, được sự đồng ý của Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh Lai Châu, AAV đã bắt đầu triển khai Chương trình Hỗ trợ Phát triển huyện Tam Đường - LRP14. Năm xã của huyện đã được lựa chọn để triển khai chương trình bao gồm: xã Hồ Thầu, Bản Bo, Nà Tăm, Bình Lư và Sơn Bình.

1.2. Các hoạt động của Chương trình Hỗ trợ Phát triển huyện Tam Đường

Chương trình Hỗ trợ Phát triển huyện Tam Đường do AAV tài trợ được bắt đầu từ năm 2006. Trong 10 năm hoạt động, chương trình tập trung vào các mảng hoạt động chính như sau:

Ưu tiên PP1:
Thúc đẩy các giải pháp sinh kế thay thế và nông nghiệp bền vững

Mục tiêu: Chương trình giúp giải quyết các vấn đề về an ninh lương thực ở cấp cộng đồng thông qua việc lồng ghép các lớp Reflect và trung tâm học tập cộng đồng. Phát triển mô hình bền vững cấp cơ sở một cách phù hợp liên quan đến nông nghiệp, lâm nghiệp cộng đồng, giúp nông dân tiếp cận thông tin và thị trường.

Một số hoạt động và kết quả nổi bật

- Tập huấn chương trình thú y cho các thành viên là cán bộ thú y cấp huyện, xã, trưởng bản, đại diện nhóm ANLT. Tập huấn chương trình khuyến nông, khuyến lâm, chế biến và bảo quản nông sản tại UBND thị trấn Tam Đường; Nhờ đó, người dân nắm bắt được kiến thức, kỹ năng trong việc nhận biết và phân loại các loại bệnh trên gia súc và cây trồng qua đó biết cách phòng bệnh và sử dụng các loại thuốc tương ứng cho các loại bệnh một cách hiệu quả.
- Tập huấn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi cho cán bộ khuyến nông, trưởng bản, thành viên nhóm ANLT, thành viên trong CLB phát triển cộng đồng và chuyên trách Trung tâm học tập Cộng đồng (THTCD) của 5 xã dự án, giúp các hộ dân biết thay đổi tập quán canh tác, mạnh dạn đưa giống cây trồng vật nuôi phù hợp với địa phương vào sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế cao góp phần xóa đói giảm nghèo và vươn lên làm giàu.
- Triển khai mô hình dúi phân viên nén cho Ngô ở hai xã Sơn Bình và Bình Lư cho lúa 2 ha tại xã Bản Bo và Bình Lư. Trạm khuyến nông phối hợp với trường ĐH Nông nghiệp HN chuyển giao công nghệ vận hành và sử dụng máy nén phân cho xã Bản Bo. Qua quá trình triển khai và thực hiện mô hình đã giúp các hộ nghèo có cơ hội tiếp cận với KHKT và tiến tới áp dụng các tiến bộ KHKT mới vào sản xuất và thâm canh lúa nước.

Ưu tiên PP2:
Nâng cao trách nhiệm giải trình và tinh đoàn kết nhân dân nhằm tạo thay đổi xã hội, tăng cường lãnh đạo trẻ và tín nhiệm xã hội dân sự

Mục đích: Đảm bảo rằng các cơ quan chính quyền chịu trách nhiệm giải trình và đáp ứng những nhu cầu và ưu tiên của người nghèo và người yếu thế; Khuyến khích vai trò của phụ nữ tham gia hoạt động chính trị, tham gia vào các vấn đề công, và tham gia vào các cương vị lãnh đạo chính quyền các cấp.

Một số hoạt động và kết quả nổi bật:

- Duy trì và vận hành hệ thống các kiốt thông tin tại 2 xã và thị trấn với mục đích hỗ trợ người dân trong việc kết nối người dân với các ban ngành, cung cấp thông tin và các dịch vụ qua các hình thức khác nhau như: Tài liệu, qua sách báo, phát thanh...

- Duy trì vận hành hệ thống Loa truyền thanh không dây tại xã Bình Lư cho 14 điểm bản và phát thanh đều đặn mỗi ngày 2 buổi sáng và chiều. Với mục đích đưa thông tin đến người dân một cách nhanh nhất.
- Tổ chức đánh giá một số dịch vụ được lựa chọn theo phương pháp phiếu thăm dò ý kiến. Mục đích giúp đối tác và các cơ quan địa phương hiểu và có khả năng thực hiện đánh giá dịch vụ công. Thông qua quá trình đối thoại dựa trên kết quả trình bày tại hội thảo, các bên sẽ cùng đưa ra giải pháp và cam kết cải thiện dịch vụ công được đánh giá.
- Hoạt động phân tích ngân sách xã là hoạt động đã mang lại những kết quả đáng ghi nhận. Đây là một trong các hoạt động được sự quan tâm của người dân. Chính quyền cơ sở đã tìm ra các giải pháp, điều chỉnh đáng kể đối với việc thu, chi các khoản đóng góp từ phía người dân. Những khuyến cáo của nhóm nông cốt cũng được sửa chữa có sự giám sát của đại biểu HĐND, hay lòng tin của người dân đối với chính quyền được củng cố vững chắc hơn ...
- Dự án YLEPA với mục tiêu nâng cao năng lực và tăng cường sự tham gia của Đoàn Thanh niên đặc biệt là đoàn viên nữ và đoàn viên thanh niên nghèo, dân tộc thiểu số. Dự án đã hỗ trợ thành lập 3 CLB YLEPA ở 3 xã là Hồ Thành, Bình Lư và Nà Tầm. Các thành viên CLB được tập huấn nâng cao nhận thức và năng lực của đoàn viên thanh niên trong công tác phát triển kinh tế và hoạt động giám sát thực hiện nhiệm vụ công, tuyên truyền, tình nguyện, đền ơn đáp nghĩa....
- Dự án Tăng cường sự tham gia của người dân và các tổ chức xã hội dân sự nhằm nâng cao quyền lợi và trách nhiệm của người dân tộc thiểu số ở tỉnh Lai Châu (EC), có mục tiêu tăng cường sự tham gia của phụ nữ dân tộc thiểu số (gồm Thái, Lào, Mông, Dao). Dự án giúp họ nâng cao nhận thức về quyền lợi và trách nhiệm của mình trong việc tham gia vào các quá trình ra quyết định có liên quan ở địa phương. Dự án cũng nỗ lực nâng cao năng lực cho các tổ chức đại diện cho người dân (Hội đồng nhân dân, các tổ chức đoàn thể xã hội) giúp họ có thể đại diện tốt hơn các quyền và lợi ích của người dân. Thông qua một số hoạt động như yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ công thực hiện tốt hơn việc này cho cộng đồng và truyền đạt mối quan tâm của người dân đến các nhà hoạch định chính sách.



**Ưu tiên PP3:
Thúc đẩy bình
đẳng trong tiếp
cận giáo dục cho
trẻ em**

Mục tiêu: Nâng cao năng lực cho người nghèo để từ đó có thể giúp họ tự giải quyết các vấn đề khó khăn của chính họ thông qua chương trình xóa mù chữ cho người lớn tuổi, tập trung vào phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, kết hợp với phát triển cộng đồng và một số hoạt động tập trung vào trẻ em, các hoạt động khác liên quan đến giáo dục sẽ được phát triển và tập trung vào tiểu học, trước tiểu học.

Một số hoạt động và kết quả nổi bật

Chương trình giáo dục không chính quy

- Mở và duy trì 19 lớp xóa mù chữ (XMC) từ năm 2008 -2010, sau xóa mù chữ là thành lập các Trung tâm Phát triển Cộng đồng (PTCĐ). Duy trì 5 Trung tâm Học tập Cộng đồng (TTHTCĐ), hỗ trợ nguồn kinh phí cho 17 nhóm PTCĐ. Các trung tâm PTCĐ thành lập với mục đích tăng cường sự tham gia của các thành viên trong nhóm, chia sẻ kinh nghiệm sống, đặc biệt là chị em phụ nữ thiệt thòi, tạo sự tự tin trong cuộc sống thông qua các buổi sinh hoạt, hoạt động của các câu lạc bộ
- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho hướng dẫn viên trong TTHTCĐ, giúp họ dần trở thành giáo viên dạy chữ cho người dân cộng đồng.
- Tổ chức tuyên truyền về Tuần lễ giáo dục toàn cầu giúp người dân các cấp các ngành quan tâm tới chương trình giáo dục. Mục đích tôn vinh những cá nhân, những nhân vật điển hình đặc biệt phụ nữ và trẻ em gái đã vươn lên trong cuộc sống hàng ngày nhờ được giáo dục.

Chương trình giáo dục chính quy

- Xây dựng mô hình điểm áp dụng phương pháp dạy học tích cực, kết hợp với xây dựng nhà trường thân thiện tại các điểm trường tiểu học Hồ Thầu xã Hồ Thầu, trường tiểu học Số 1 Bình Lư xã Bình Lư đồng thời định hướng nhân rộng mô hình này trong huyện đặc biệt đối với các trường trong toàn huyện.
- Tập huấn “*Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo dân tộc thiểu số*”, nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng cho giáo viên về việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ, đặc biệt là trẻ 5 tuổi sắp đi học.
- Hỗ trợ trực tiếp xây dựng thư viện thân thiện cho trường tiểu học số 1 Bình Lư và trường Hồ Thầu. Cụ thể, đã hỗ trợ trực tiếp 03 bộ máy tính, 02 máy in, mạng Internet cho nhà trường tạo điều kiện cho giáo viên và học sinh truy cập và tiếp cận thông tin trên mạng.
- Thành lập và duy trì các CLB phóng viên nhỏ cho các em có sân chơi sáng tạo, phát huy tinh thần ham học hỏi và chia sẻ đoàn kết giúp đỡ nhau trong học tập và cuộc sống.

Ưu tiên PP4:
 Ứng phó với tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu bằng các phương pháp lấy con người làm trung tâm

Mục tiêu: Tăng cường hiểu biết của người dân đối với việc bảo vệ rừng, hỗ trợ người dân có kiến thức và được thực hành về phòng ngừa giảm nhẹ rủi ro thiên tai hàng năm.

Một số hoạt động và kết quả nổi bật

- Tập huấn phòng ngừa rủi ro thiên tai BĐ khí hậu để cung cấp các kiến thức và kỹ năng phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai như tránh đốt phá rừng để bảo vệ môi trường, và phòng chống sụt lở đất cũng như chống sói mòn đất cho người dân trong vùng dự án.
- Chương trình còn có các hoạt động tuyên truyền và hỗ trợ diễn tập về phòng ngừa giảm nhẹ rủi ro thiên tai hàng năm.

Ưu tiên PP5:
 Xây dựng các giải pháp xã hội và chính trị cho phụ nữ và trẻ em gái

Mục tiêu: Hỗ trợ tăng cường bình đẳng giới và quyền phụ nữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau, thông qua nhận thức giới, lồng ghép giới, phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em.

Một số hoạt động và kết quả nổi bật:

- Thành lập và duy trì khoảng 10 CLB mang tên “*Trách nhiệm cùng chia sẻ*”, “*Chung tay cùng tiến*”, “*Quyết tiến*”, mỗi CLB có từ 25 đến 50 thành viên tham dự. Các CLB thường xuyên thu hút được cả nam giới cùng tham gia sinh hoạt, giúp thành viên CLB tiếp cận nhiều hơn với cộng đồng, học tập được nhiều kiến thức bổ ích cho bản thân và gia đình.
- Tập huấn “*nâng cao kiến thức về tình dục an toàn, chăm sóc SKSS vị thành niên, nạn tảo hôn ở lứa tuổi thanh thiếu niên*” và “*Nâng cao kiến thức về chăm sóc sức khỏe cho chị em phụ nữ*”. Các khóa tập huấn nhằm cung cấp các kiến thức cho phụ nữ và trẻ em gái về tình dục và sức khỏe sinh sản cũng như kiểm soát cơ thể, khả năng thương lượng để có tình dục an toàn và theo nhu cầu mong muốn, niềm vui có được trong tình dục.
- Tập huấn 02 lớp về bộ công cụ chăm sóc không lương cho lãnh đạo TTHTCĐ, đoàn thanh niên, hội phụ nữ xã, và ban chủ nhiệm CLBPTCĐ có 75 người tham gia. Thông qua lớp tập huấn, các học viên có thể hiểu và vận dụng một cách phù hợp các kiến thức, phương pháp, kỹ năng về bộ công cụ này để áp dụng cho bản thân và tập huấn lại tại cộng đồng.
- Tổ chức truyền thông về phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em, giúp nhận thức của người dân về nạn buôn bán phụ nữ, trẻ em và trang bị kiến thức về phòng ngừa buôn bán phụ nữ và trẻ em để có ý thức bảo vệ mình trước hành vi lừa đảo của bọn buôn bán người, đồng thời họ có ý thức tự giác tuyên truyền sâu rộng trong cộng đồng địa phương nơi sinh sống.



PHẦN II. ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Tính phù hợp của Chương trình LPR14

2.1.1. Cơ sở triển khai chương trình

Nhìn chung Tam Đường có điều kiện thuận lợi để triển khai thực hiện thành công và hiệu quả các hoạt động của Chương trình. Không chỉ xã nghèo được lựa chọn để tham gia vào Chương trình, mà xã khá hơn cũng được Chương trình lựa chọn để thực hiện các hoạt động can thiệp. Chương trình không chỉ căn cứ trên khía cạnh cần hỗ trợ mà còn căn cứ theo khía cạnh có năng lực để nhận các hỗ trợ và phát triển bền vững các thành quả mà chương trình đã gây dựng. Do đó việc **AAV lựa chọn triển khai các hoạt động hỗ trợ, can thiệp ở những địa bàn này là rất phù hợp.**

2.1.2. Sự phù hợp của các hoạt động can thiệp và hỗ trợ

Thúc đẩy các giải pháp sinh kế thay thế và nông nghiệp bền vững: Chương trình nhằm mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo an ninh lương thực và sinh kế cho người nghèo. Trong khi đó, các xã tham gia Chương trình chủ yếu là các xã nghèo, khó khăn vì vậy, những hoạt động và hỗ trợ của Chương trình là phù hợp với sự mong đợi của người dân nghèo và nhu cầu chính quyền địa phương.

Nâng cao trách nhiệm giải trình và tình đoàn kết nhân dân nhằm tạo thay đổi xã hội, tăng cường lãnh đạo trẻ và tín nhiệm xã hội dân sự: Chương trình về quản trị nhà nước hướng đến mục tiêu nâng cao trách nhiệm giải trình, công khai minh bạch của chính quyền xã. Các hoạt động cải thiện chủ yếu bao gồm thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, hoạt động phân tích ngân sách xã, hoạt động hỗ trợ các thiết bị loa truyền thông và nâng cao năng lực cho đại biểu HĐND xã và tuyên truyền phổ biến thông tin về giám sát và phân tích ngân sách xã cho



người dân.. Đây là mảng hoạt động khá mới mẻ, cán bộ địa phương cho biết trước đó hầu như chưa được tập huấn bao giờ, ví dụ như hoạt động phân tích ngân sách xã.

Thúc đẩy bình đẳng trong tiếp cận giáo dục cho trẻ em: Theo ý kiến từ đại diện Phòng Giáo dục huyện Tam Đường thì hoạt động hỗ trợ của AAV liên quan đến giáo dục cho người dân là phù hợp với tình hình địa phương “tỷ lệ người mù chữ trước đây của huyện là cao, nhưng khi có các hỗ trợ của AAV đã có những thay đổi tích cực, nếu như năm 2010 tỷ lệ mù chữ trong độ tuổi từ 15-25 vào khoảng 8% thì hiện nay chỉ rơi vào khoảng 4%. Đối với những người trực tiếp được hưởng lợi từ hoạt động này, họ cũng rất thích “các chị cũng thích đi học chữ, học được chữ còn biết cái này cái khác. Ngày xưa bố mẹ không cho đi học bảo ở nhà bế em, làm nương và bảo là con gái đi lấy chồng thì học làm gì nên các chị không biết chữ. Bây giờ có AAV mở lớp thì thích lắm” - Ý kiến tại thảo luận nhóm Phụ nữ bản Nà Phát, xã Bình Lư

Chương trình PP4: Giúp người dân nâng cao ý thức trong việc phòng chống cháy rừng và bảo vệ rừng. Để bảo vệ các rừng đầu nguồn của địa phương nói riêng cũng như của Quốc gia nói chung. Tuy nhiên thời gian thực hiện chương trình còn ngắn chưa đủ để có những tác động tích cực ở địa phương.

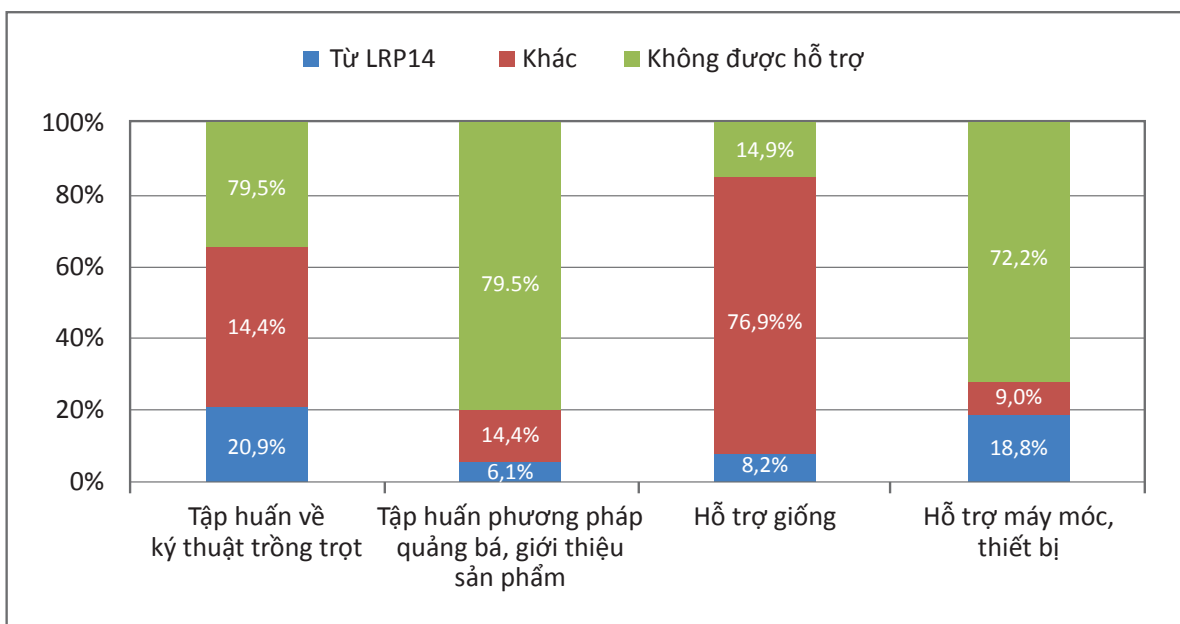
Chương trình Quyền phụ nữ của AAV là một trong những hoạt động có hiệu quả cao xuất phát từ hoạt động của chủ đề Quyền phụ nữ phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

Cách làm của AAV là đến tận thôn bản, triển khai cho ban ngành thôn và người dân được tham gia. Trong khi các hoạt động tuyên truyền về bình đẳng giới của nhà nước chỉ tập huấn tại xã cho ban ngành xã và các cán bộ thôn. Đối tượng tuyên truyền của AAV không chỉ phụ nữ mà cả nam giới. Điều này giúp nâng cao nhận thức của cả nam và nữ trong việc nhìn nhận vai trò của phụ nữ đối với sự phát triển kinh tế hộ gia đình và sự phát triển chung của xã hội.

2.2. Tính hiệu quả

Thúc đẩy các giải pháp sinh kế thay thế và nông nghiệp bền vững. Đánh giá khách quan nhiều hoạt động đã thực sự giúp người dân nâng cao thu nhập sau khi họ mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và áp dụng những kiến thức từ các khóa tập huấn của AAV vào hoạt động sản xuất trong gia đình. Mặc dù không chiếm một tỷ trọng lớn, nhưng những hoạt động liên quan đến nông nghiệp của LRP14 đã được người dân đánh giá cao. Về trồng trọt, chỉ 30,6% HGĐ trong dự án trả lời là nhận hỗ trợ từ LRP14, bao gồm tập huấn về kỹ thuật trồng trọt (21,1%), hỗ trợ máy móc và thiết bị (18,9%) hỗ trợ giống (8,3%) và tập huấn phương pháp quảng bá, giới thiệu sản phẩm (6,1%). Đối với chăn nuôi, con số này là 31,1%, trong đó có tập huấn kỹ thuật chăn nuôi (24,2%), hỗ trợ con giống (18,9%), hỗ trợ máy móc và thiết bị chăn nuôi (9,8%) và tập huấn phương pháp quảng bá và giới thiệu sản phẩm vật nuôi (5,4%). Tuy nhiên, tất cả HGĐ nhận được hỗ trợ từ LRP14 đều đánh giá những hỗ trợ này hoặc rất có ích, hoặc có ích.

Hình 1: Tỷ lệ HGĐ nhận hỗ trợ về trồng trọt trong 5 năm gần đây ở các xã trong dự án (đơn vị: %)

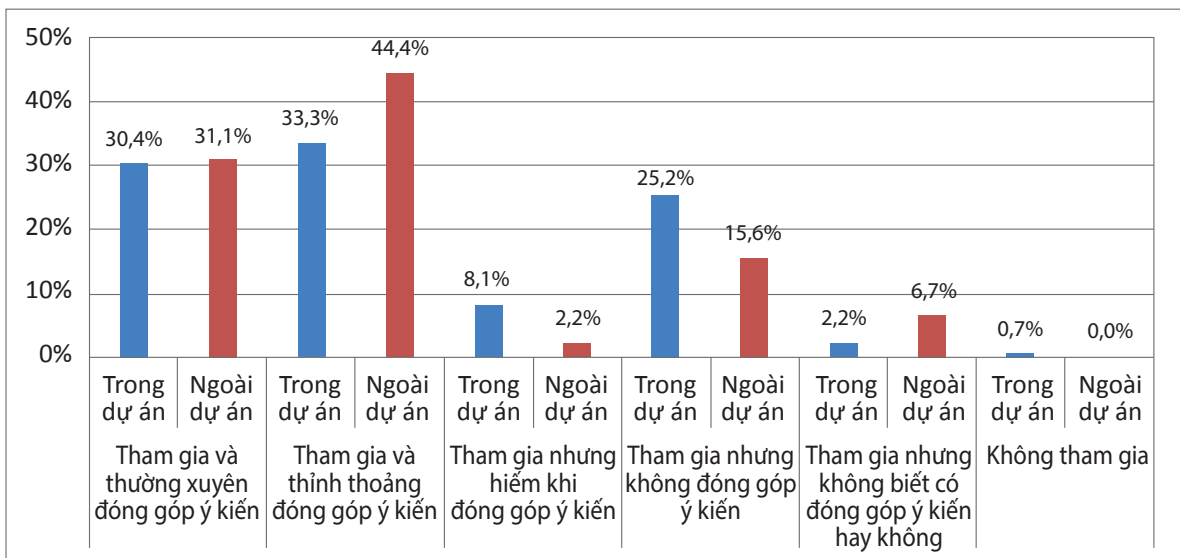


Nguồn: Khảo sát HGĐ cuối kỳ 2016

Nâng cao trách nhiệm giải trình và tình đoàn kết nhân dân nhằm tạo thay đổi xã hội, tăng cường lãnh đạo trẻ và tín nhiệm xã hội dân sự: Các hoạt động của LRP14 nhằm nâng cao trách nhiệm giải trình, đảm bảo quyền được hưởng nền quản trị dân chủ đã tạo ra những thay đổi quan trọng. Điều này thể hiện ở tỷ lệ gần 100% HGĐ tham gia họp thôn, mức tăng đáng kể trong tỷ lệ HGĐ được phổ biến và tham gia lập kế hoạch phát triển KTXH năm 2015/2016 và nhiều HGĐ đã có GCN QSDĐ. Các ban ngành đoàn thể của địa phương được tham gia tập huấn về cải cách hành chính, giúp giảm đi thời gian và phiền nhiễu cho người dân khi làm thủ tục hành chính. Họ được tham gia vào hoạt động phân tích ngân sách xã để hiểu và quản lý tốt hơn ngân sách của địa phương hiện nay.

Người dân các xã trong dự án đã được tham gia tương đối nhiều vào hoạt động phát triển cộng đồng ở địa phương. Hầu như 100% HGD được khảo sát đều đã từng tham gia các cuộc họp thôn trong năm 2015. HGD tham gia và đóng góp ý kiến chỉ chiếm tỷ lệ 71,9%, thấp hơn không đáng kể so với năm 2013 (78,5%) và so với ngoài dự án (77,8%). Trong số những HGD đóng góp ý kiến, đa phần ý kiến đó được xem xét và ghi nhận (88,5%). Việc tỷ lệ đóng góp ý kiến giảm có thể xuất phát từ thực tế người dân thấy ít vấn đề hơn nên có ít câu hỏi và thắc mắc hơn, không nhất thiết là do họ không muốn, sợ hoặc e ngại đóng góp ý kiến.

Hình 2: Sự tham gia của người dân vào cuộc họp thôn năm 2015 (đơn vị: %)

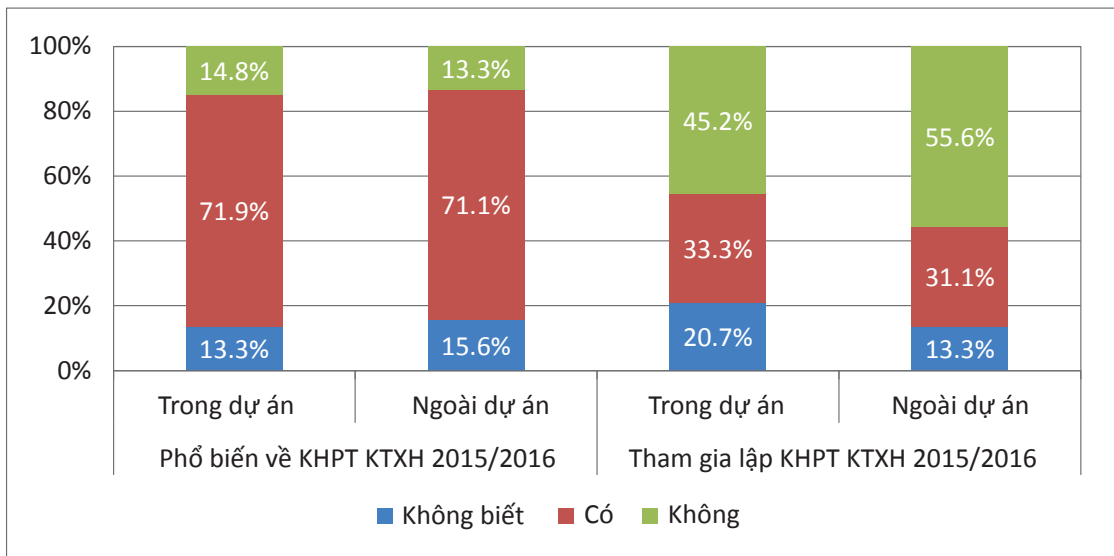


Nguồn: Khảo sát HGD cuối kỳ 2016

Việc công khai kế hoạch phát triển KTXH của thôn/xã đã được cải thiện đáng kể. Tỷ lệ HGD cho biết được phổ biến kế hoạch năm 2015/2016 đạt mức 71,9%, tương đương với ngoài dự án (71,1%), và tăng hơn gấp đôi so với năm 2013 (33,6%). HGD được tham gia lập kế hoạch, tuy còn chưa cao (33,3%) nhưng đã tăng hơn gấp 3 lần so với năm 2013 (9,4%). Ngoài ra, tỷ lệ HGD cho biết không được tham gia lập kế hoạch ở các xã trong dự án (45,2%) thấp hơn 10 điểm phần trăm so với ngoài dự án (55,6%) mặc dù tỷ lệ khẳng định có tham gia là xấp xỉ nhau.



Hình 3: Tỷ lệ HGD được phổ biến và tham gia lập KHPT KTXH của thôn/xã năm 2015/2016 (đơn vị: %)



Nguồn: Khảo sát HGD cuối kỳ 2016

Đa phần các HGD được khảo sát đã có GCN QSDĐ, bao gồm có cho toàn bộ diện tích đất hoặc chỉ có 1 phần, thể hiện nhiều HGD đã nhận rõ quyền của họ đối với đất đai, giúp họ yên tâm sinh sống, sản xuất và phát triển kinh tế. Cụ thể, HGD trong dự án đã có GCN QSDĐ đối với đất sản xuất chiếm tỷ lệ 86,7%, tăng gần 18 điểm phần trăm so với năm 2013 (68,9%). Trong đó, tỷ lệ HGD có GCN QSDĐ cho toàn bộ đất canh tác đóng góp khoảng 10 điểm phần trăm, từ 40,9% lên 50%. Đối với đất ở, tỷ lệ HGD có GCN QSDĐ thấp hơn, chỉ 74,8%. Nói cách khác, một số HGD, mặc dù có GCN QSD đất sản xuất nhưng lại không có đối với đất ở.

Theo đánh giá của người dân thì thái độ của cán bộ xã khi giải quyết dịch vụ công liên quan đến cấp Giấy khai sinh, Giấy đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... những năm gần đây đã tốt hơn trước đây rất nhiều. Cán bộ đã có thái độ hướng dẫn tốt hơn để người dân hiểu và làm theo đúng luật.

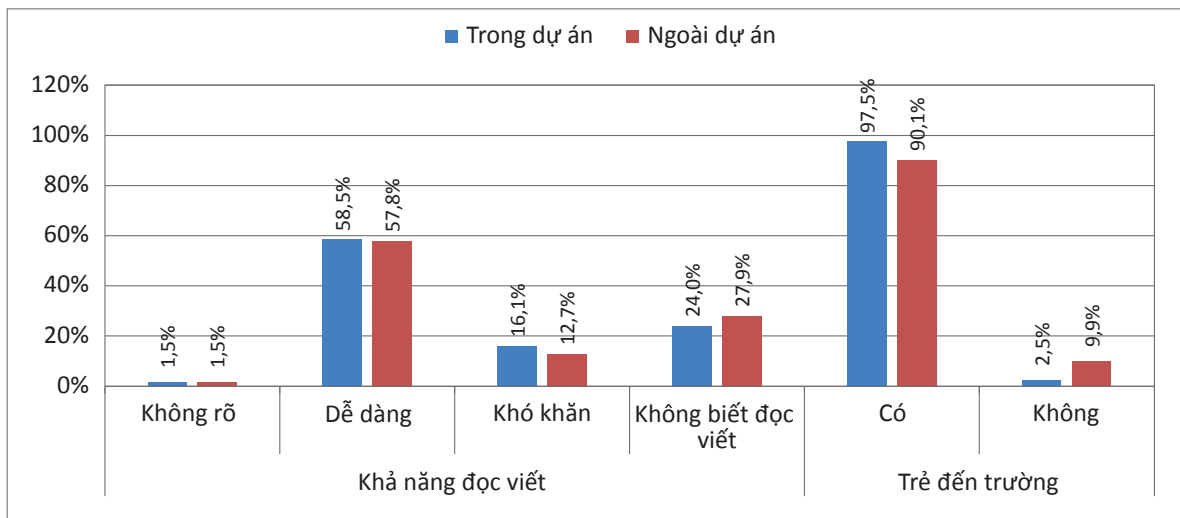
Thúc đẩy bình đẳng trong tiếp cận giáo dục cho trẻ em. Hoạt động xóa mù chữ được triển khai từ những năm đầu thực hiện Chương trình, nhưng đến nay người dân vẫn nhớ và nhắc về hiệu quả của hoạt động này. “Trước đây phụ nữ trong bản không được đi học nên không biết chữ. Sau này được học xóa mù thì cũng khá hơn rồi. Trước là không biết đọc, biết viết. Bây giờ biết đọc, viết thì đi ra xã hội dễ hơn. Đi ra bến xe biết xe nào đi đâu để còn bắt xe. Đi xuống huyện mua hàng, cũng biết tên các cửa hàng. Biết tên giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật...” - Ý kiến từ thảo luận nhóm bản Nà Ly, xã Bản Bo. Điều này làm cho những người phụ nữ xưa kia vốn nhút nhát, tự ti khi đi ra ngoài xã hội, thì ngày nay họ trở nên mạnh dạn hơn biết chữ đã giúp cuộc sống của họ thuận tiện nhiều hơn so với trước kia.

Tỷ lệ người biết chữ và trẻ đến trường tăng lên phần nào chứng tỏ hiệu quả của các hoạt động giáo dục của LRP14. Những người từ 7 tuổi trở lên có khả năng đọc viết chiếm tỷ trọng 74,5% trên tổng số thành viên các HGD được khảo sát, cao hơn so với xã ngoài dự án (70,6%), và tăng hơn 10 điểm phần trăm so với năm 2013 (62,2%). Trong số 44 người được tham gia lớp xóa mù chữ, hơn một nửa đã có thể đọc viết (6,8% dễ dàng và 50% còn khó khăn). Ngoài ra, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường (3-18 tuổi) đang đi học đạt 97,5% ở các xã trong dự



án, cao hơn so với xã ngoài dự án (90,1%), cao hơn đáng kể so với năm 2013 (84,0%). Gần 100% HGD có thành viên đang học mầm non hoặc tiểu học đều tham gia các buổi họp phụ huynh thể hiện sự quan tâm của người dân đến giáo dục cho trẻ. Trong đó, chủ yếu vợ (mẹ) và chồng (bố) là người trực tiếp đi (chiếm 86,4%).

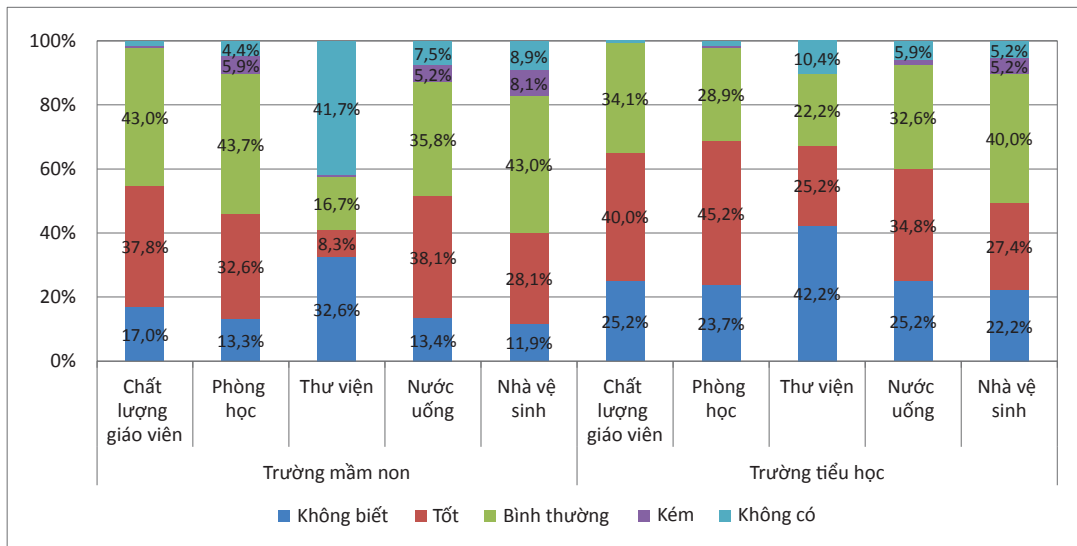
**Hình 4: Khả năng đọc viết và tỷ lệ trẻ đến trường
(đơn vị: %)**



Nguồn: Khảo sát HGD cuối kỳ 2016

Đa số NTL đánh giá chất lượng giáo viên và cơ sở vật chất trường học của người dân ở mức tốt hoặc bình thường, chủ yếu dao động từ hơn 60% đến 80%. Tỷ lệ NTL đánh giá kém tương đối nhỏ, chưa đến 10%. Do không có con cái/thành viên trong HGD đang đi học mầm non hoặc tiểu học (40%) nên một số HGD không đưa ra được đánh giá và trả lời là không biết. Đặc biệt, kết quả khảo sát cho thấy thư viện vẫn là cơ sở vật chất mới và ít được người dân biết đến, với tỷ lệ NTL "không biết" hoặc trả lời "không có" rất cao, trên 74% đối với trường mầm non và trên 52% đối với trường tiểu học.

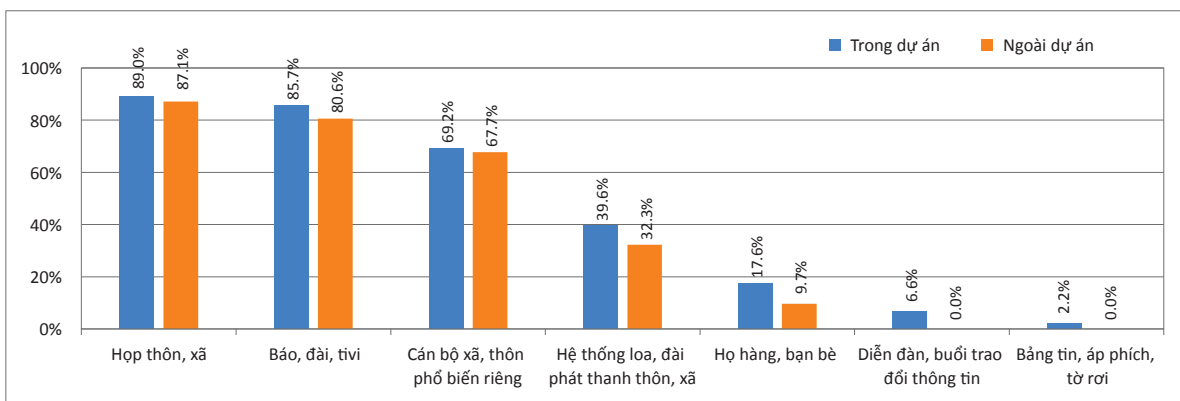
Hình 5: Đánh giá chất lượng giáo viên và cơ sở vật chất trường học trong dự án (đơn vị: %)



Nguồn: Khảo sát HGD cuối kỳ 2016

Ứng phó với tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu bằng các phương pháp lấy con người làm trung tâm: Nhiều HGD đã được tiếp cận thông tin tuyên truyền về phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai, từ nhiều nguồn khác nhau, đặc biệt là các nguồn địa phương. Tỷ lệ HGD được khảo sát cho biết có nghe hoặc xem thông tin tuyên truyền về phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai lần lượt là 67,4% trong dự án và 68,9% ngoài dự án. Các cuộc họp thôn/xã là nguồn tiếp cận chủ yếu của người dân địa phương (gần 90%), tăng hơn 50 điểm phần trăm so với năm 2013 (36%). Tỷ lệ HGD nghe phổ biến riêng từ cán bộ và từ hệ thống loa, đài phát thanh thôn/xã cũng tăng lên đáng kể, lần lượt là 46 và 24,5 điểm phần trăm. Cũng giống như trường hợp thông tin liên quan đến BDK, tỷ lệ HGD tiếp cận thông tin từ loa đài, phát thanh thôn/xã ở các xã trong dự án cao hơn ngoài dự án. Ngoài ra, có 26,7% HGD được khảo sát khẳng định có tham gia lớp tập huấn phòng ngừa rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu (BĐKH), và tất cả đều đánh giá hoạt động này hoặc rất có ích, hoặc có ích.

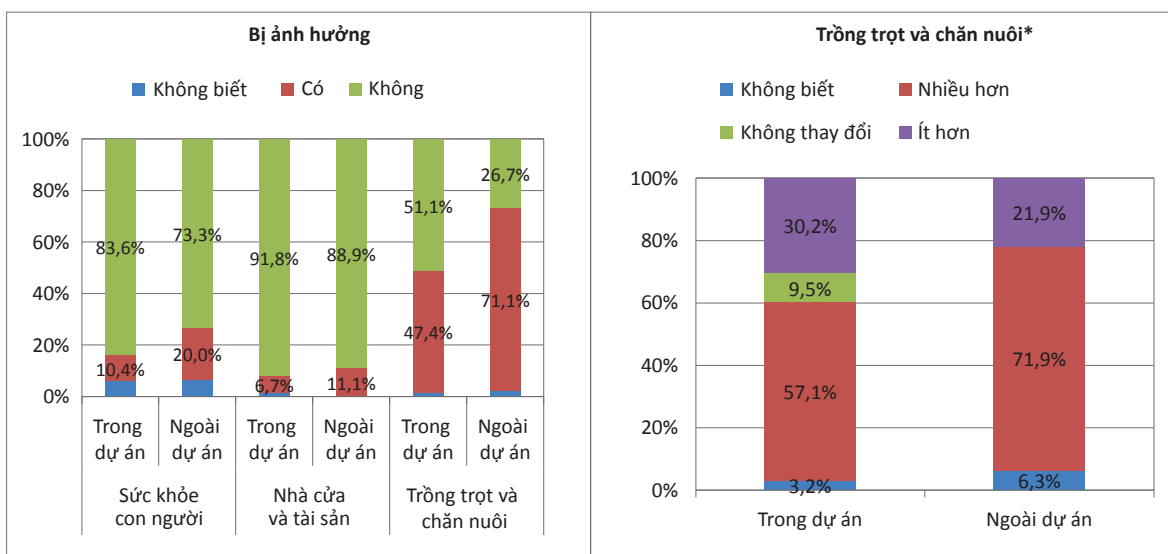
Hình 6: Nguồn tiếp cận thông tin về phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai (đơn vị: %)



Nguồn: Khảo sát HGD cuối kỳ 2016

Trong ba khía cạnh được xem xét, hoạt động sản xuất nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi thiên tai nhiều nhất ở cả trong và ngoài dự án. Tuy nhiên, tỷ lệ HGD bị ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng khác biệt khá rõ giữa các xã trong và ngoài dự án. Cụ thể, các xã trong dự án có tỷ lệ HGD bị ảnh hưởng bởi thiên tai trong năm gần đây (*không tính đợt rét đậm rét hại đầu năm 2016*) thấp hơn đáng kể so với xã ngoài dự án, cả về sức khỏe con người (10,4% và 20%), nhà cửa và tài sản (6,7% và 11,1%), và hoạt động sản xuất nông nghiệp (47,4% và 71,1%). Khi so sánh mức độ ảnh hưởng tới trồng trọt và chăn nuôi với năm 2011 trở về trước, tỷ lệ HGD đánh giá tăng lên ở trong dự án (57,1%) cũng thấp hơn so với ngoài dự án (71,9%).

Hình 7: Mức độ ảnh hưởng của thiên tai đến HGD (đơn vị: %)



Chú ý: * So sánh mức độ ảnh hưởng của thiên tai trong 5 năm gần đây so với năm 2011 trở về trước
 Nguồn: Khảo sát HGD cuối kỳ 2016

Mặc dù đợt rét đậm rét hại và băng giá đầu năm 2016 nhìn chung tác động mạnh tới sức khỏe và hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân địa phương, có một số sự khác biệt giữa HGD trong các xã dự án và xã ngoài dự án. Theo kết quả khảo sát HGD cuối kỳ 2016, 66,7% HGD các xã trong dự án cho biết bị ảnh hưởng bởi đợt rét này, thấp hơn so với 80% ở xã ngoài dự án. Trung bình, cứ 10 HGD thì có 7 người có sức khỏe bị ảnh hưởng bởi đợt thời tiết khắc nghiệt này ở cả xã trong và ngoài dự án. Tuy nhiên, do có quy mô HGD nhỏ hơn nên tỷ lệ thành viên bị ảnh hưởng trong dự án (16,7%) cao hơn so với ngoài dự án (10,9%). Về trồng trọt, HGD trong dự án có diện tích cây trồng bị thiệt hại trung bình (4.085m²) nhỏ hơn, và chiếm tỷ lệ (34,7%) trên tổng diện tích đất canh tác thấp hơn so với xã ngoài dự án (*lần lượt là 14.875m² và 65,7%*). Theo ý kiến của người dân, cây trồng bị chết chủ yếu là thảo quả, và được trồng nhiều ở xã ngoài dự án hơn nên diện tích và tỷ lệ thiệt hại cao hơn ở khu vực này. Đối với chăn nuôi, mặc dù HGD trong dự án có số lượng vật nuôi chết nhiều hơn (*trung bình 3,1 con trên 1 HGD*) nhưng nếu tính trên tổng đàn thì tỷ lệ chết chỉ tương đương với ngoài dự án (*hơn 10%*). Lý do là các HGD trong dự án có hoạt động chăn nuôi phát triển hơn, số lượng vật nuôi nhiều hơn so với HGD ngoài dự án. Điều này có thể một phần nhờ các hỗ trợ chăn nuôi của LRP14.



Bảng 1: Ảnh hưởng của đợt rét đậm rét hại đầu năm 2016 đến các HGD (đơn vị: %)

	Sức khỏe con người		Trồng trọt		Chăn nuôi	
	Số thành viên	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Số con	Tỷ lệ (%)
Trong dự án	0,7	16,7	4.085	34,7	3,1	10,4
Ngoài dự án	0,7	10,9	14.875	65,7	1,2	10,8

Nguồn: Khảo sát HGD cuối kỳ 2016

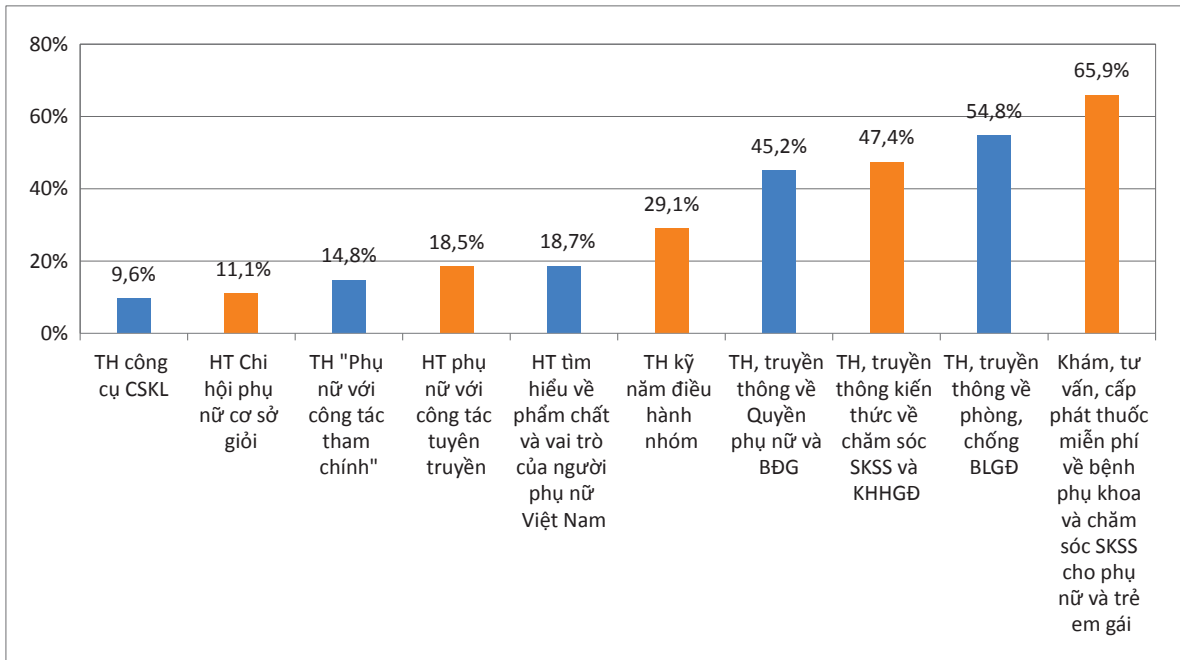
Mặc dù, mới đưa vào thực hiện từ năm 2013, nhưng các hoạt động liên quan đến phòng ngừa rủi ro thiên tai và thích ứng với BĐKH của LRP14 đang mang lại những hiệu quả và tạo ra những thay đổi nhất định. Người dân được tiếp cận với thông tin này từ các nguồn địa phương nhiều hơn trước đây. Số lượng và mức độ bị ảnh hưởng ít hơn so với xã ngoài dự án.

Xây dựng các giải pháp xã hội và chính trị cho phụ nữ và trẻ em gái: Quyền phụ nữ và trẻ em gái khi so sánh với xã ngoài dự án, các xã trong dự án đã đạt được nhiều chỉ số tích cực hơn, thể hiện hiệu quả của LRP14.

i) Các hoạt động của LRP14 liên quan đến quyền phụ nữ và trẻ em gái đã đến được với nhiều HGD và có những phản hồi tích cực

Khám, tư vấn, cấp phát thuốc miễn phí về bệnh phụ khoa và chăm sóc SKSS cho phụ nữ và trẻ em gái có tỷ lệ HGD tham gia nhiều nhất (*gần 66%*). Tiếp theo là hoạt động tập huấn, truyền thông về phòng, chống BLGD (54,8%), chăm sóc SKSS và KHHGD (47,4%), quyền phụ nữ và BDG (45,2%). Đối với một số hoạt động khác, tỷ lệ HGD tham gia thấp hơn (*dưới 30%*) do tính chất giới hạn đối tượng và số lượng tham gia (*các hội thi, khóa tập huấn kỹ năng điều hành nhóm và tập huấn phụ nữ với công tác tham chính*), hoặc mới được triển khai trong năm 2015 (*tập huấn công cụ chăm sóc không lương*). Hầu hết các HGD có thành viên được tham gia đều đánh giá các hoạt động này có ích và không có trường hợp nào đánh giá không có ích.

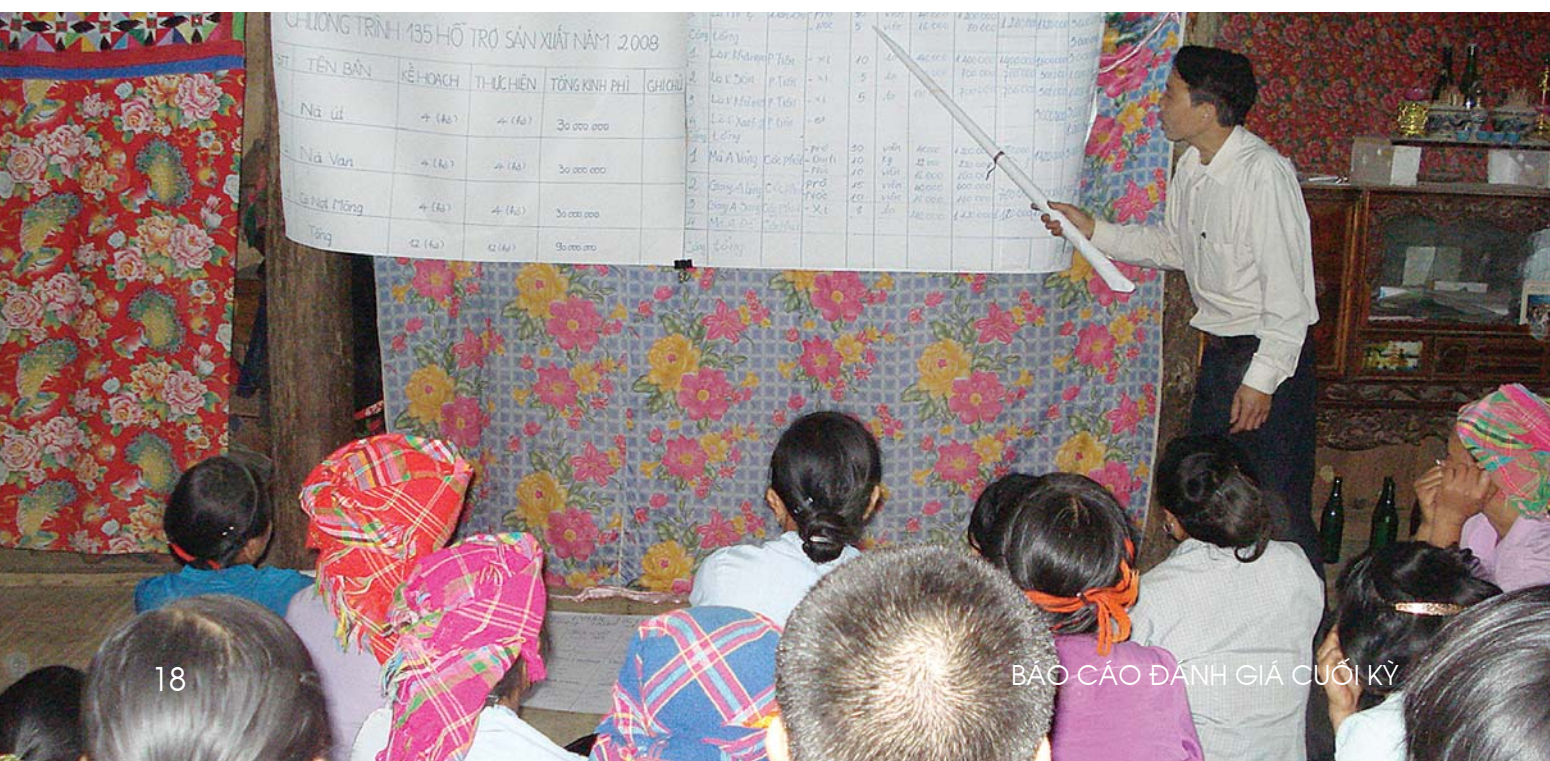
Hình 8: Tham gia các hoạt động liên quan đến Quyền phụ nữ và trẻ em gái (đơn vị: %)



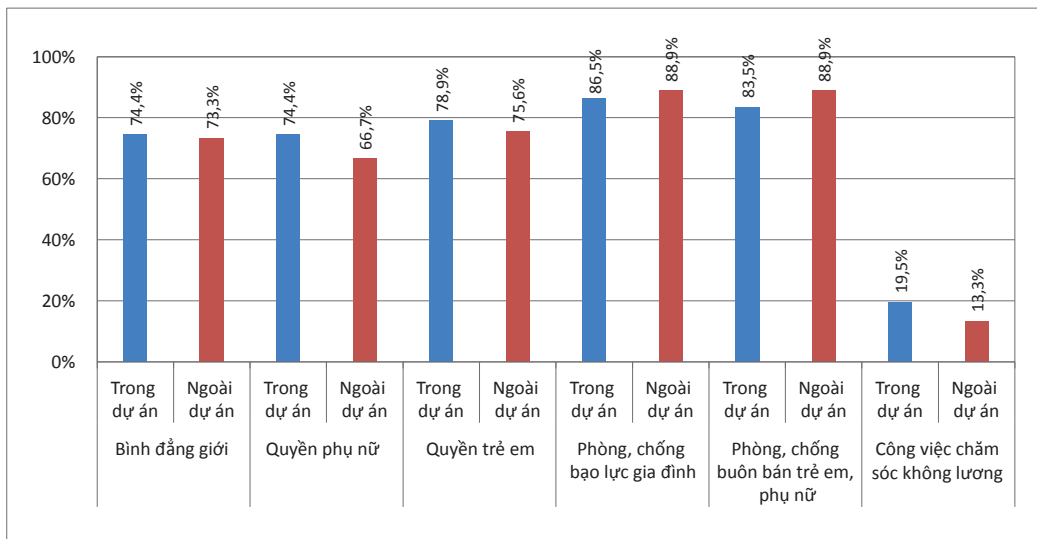
Nguồn: Khảo sát HGD cuối kỳ 2016

ii) Nhiều HGD tiếp cận được nhiều thông tin liên quan đến BĐG

Trong các nội dung liên quan đến bình đẳng giới, công việc chăm sóc không lương (CSKL) vẫn là một khái niệm tương đối mới mẻ với người dân địa phương. Tỷ lệ NTL đã từng nghe hoặc biết đến nội dung này chưa tới 20% (19,5% trong dự án và 13,3% ngoài dự án). Trong khi đó, tỷ lệ tiếp cận thông tin liên quan đến nội dung khác như bình đẳng giới nói chung, quyền phụ nữ, quyền trẻ em, phòng chống BLGD, và phòng chống buôn bán trẻ em và phụ nữ dao động từ 66,7% đến 88,9%. Không có sự chênh lệch lớn về tỷ lệ này giữa trong dự án và ngoài dự án (chưa tới 10 điểm phần trăm).



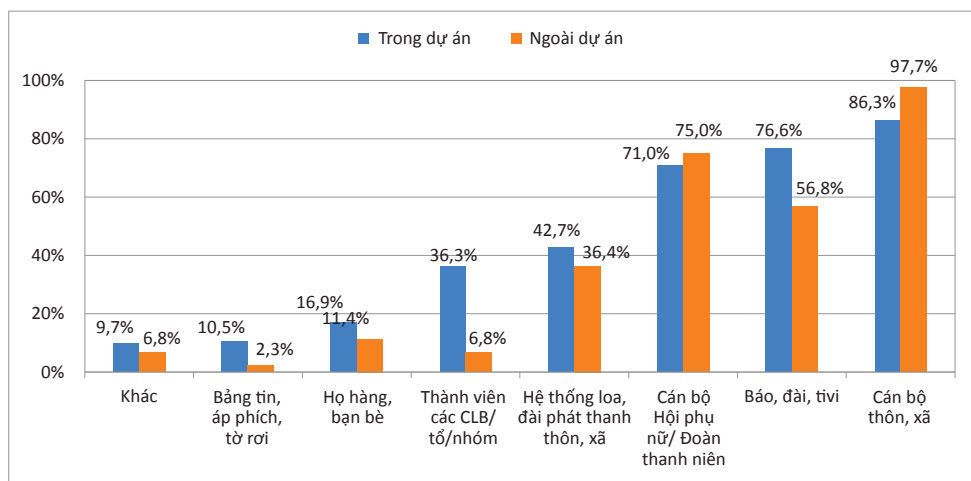
Hình 9: Tỷ lệ NTL biết đến thông tin liên quan đến bình đẳng giới (đơn vị: %)



Nguồn: Khảo sát HGD cuối kỳ 2016

Cán bộ thôn/xã, báo/đài/tivi và cán bộ Hội phụ nữ/Đoàn thanh niên là ba nguồn tiếp cận thông tin chính liên quan đến BĐG của người dân địa phương (cả trong và ngoài dự án). Có thể do các xã được khảo sát đều là vùng núi, khoảng cách từ một số HGD đến trung tâm thôn/xã khá xa nên không nhiều HGD có thể nghe thông tin từ nghe loa đài, phát thanh thôn/xã. Tuy nhiên, tỷ lệ HGD tiếp cận thông tin từ nguồn này ở các xã trong dự án (42,7%) cao hơn ngoài dự án (36,4%). Điều này có thể do các xã dự án được LRP14 hỗ trợ loa phát thanh không dây ở các thôn, giúp nhiều người dân được tiếp cận thông tin hơn. Đáng chú ý, tỷ lệ HGD tiếp cận thông tin liên quan đến BĐG từ thành viên các CLB/tổ/nhóm ở các xã trong dự án (36,3%), tuy chưa thực sự cao nhưng lớn hơn hẳn so với xã ngoài dự án (6,8%), thể hiện hiệu quả nhất định của các hoạt động LRP14.

Hình 10: Nguồn tiếp cận thông tin liên quan đến bình đẳng giới (đơn vị: %)

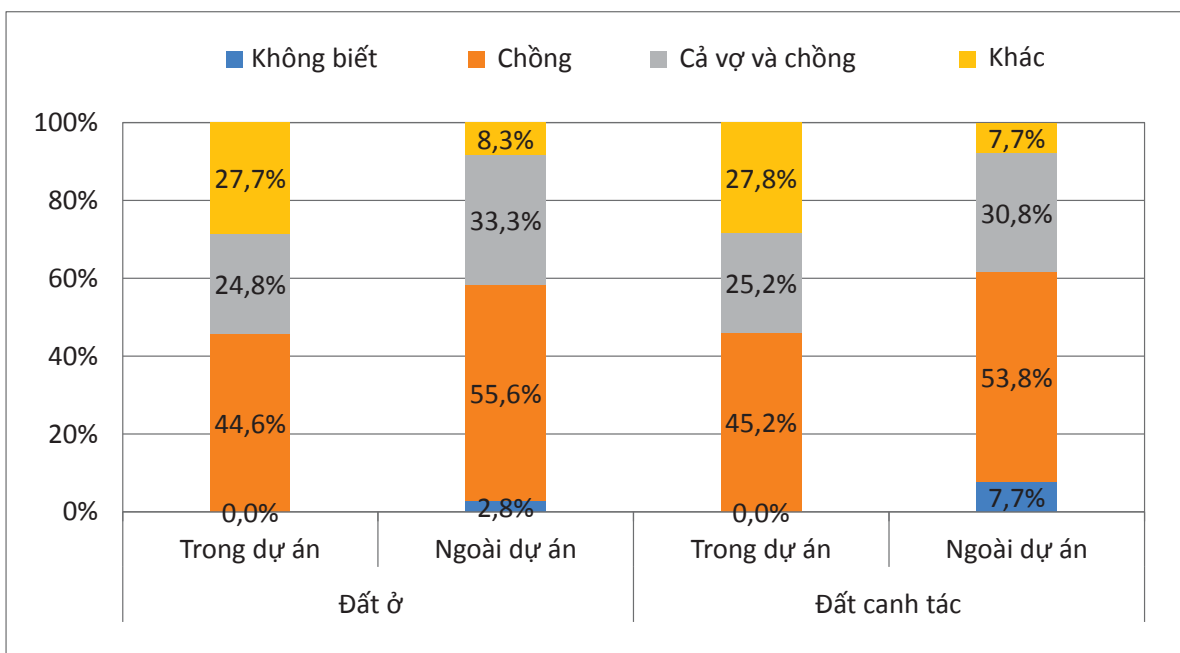


Nguồn: Khảo sát HGD cuối kỳ 2016

iii) Vai trò của phụ nữ trong gia đình được nâng cao

Mặc dù có nhiều NTL ở các xã dự án biết đến quy định của Nhà nước về việc cấp GCN QSDĐ mang tên cả vợ và chồng (63,4%) nhưng tỷ lệ HGĐ thực hiện trong thực tế còn khá thấp (chỉ khoảng 25%). Ở đa số các HGĐ vẫn là chồng đứng tên (chiếm khoảng 45%) trong khi không có HGĐ nào có vợ một mình đứng tên trên sổ đỏ. Điều tương tự cũng xảy ra ở xã ngoài dự án. Kết quả này có thể do nhiều HGĐ đã được cấp GCNQSDĐ từ trước khi quy định trên có hiệu lực. Việc cấp lại GCNQSDĐ thường được thực hiện theo từng đợt nên nhiều hộ chưa làm thủ tục để thay đổi tên trên GCNQSDĐ.

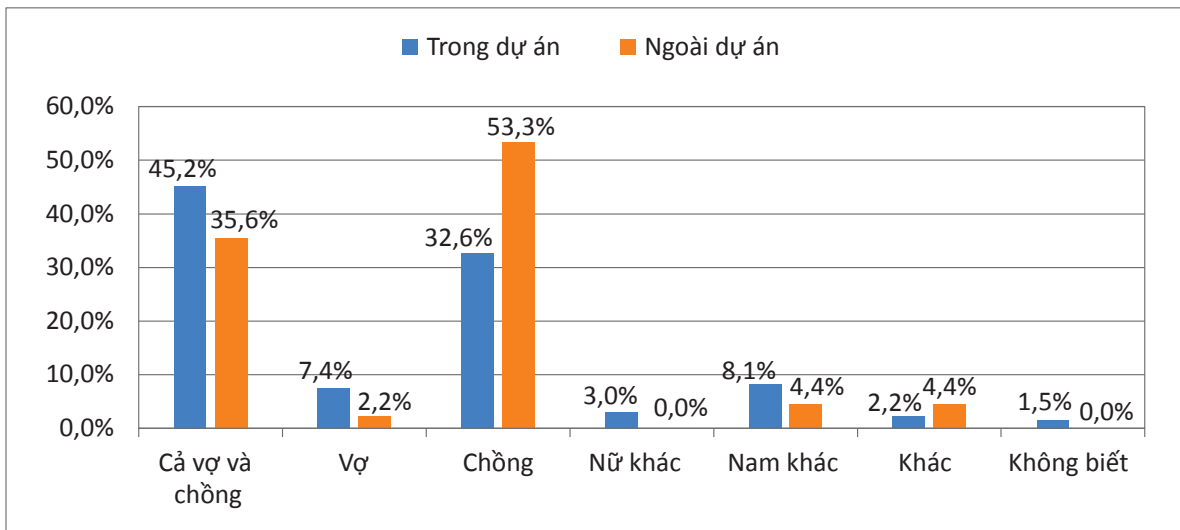
**Hình 11: Tỷ lệ thành viên đứng tên trên GCN QSDĐ
(đơn vị: %)**



Nguồn: Khảo sát HGĐ cuối kỳ 2016

Vai trò của của phụ nữ trong phát triển kinh tế HGĐ ở các xã trong dự án được ghi nhận nhiều hơn so với ngoài dự án. HGĐ có thành viên nữ đóng góp chính vào tổng thu nhập năm 2015 chiếm tỷ lệ 52,9% ở xã trong dự án, cao hơn so với 37,8% ở xã ngoài dự án. Mặt khác, HGĐ có một mình người chồng là người kiếm được nhiều tiền nhất chiếm hơn một nửa số hộ khảo sát ngoài dự án (53,3%), cao hơn 20,5 điểm phần trăm so với xã trong dự án.

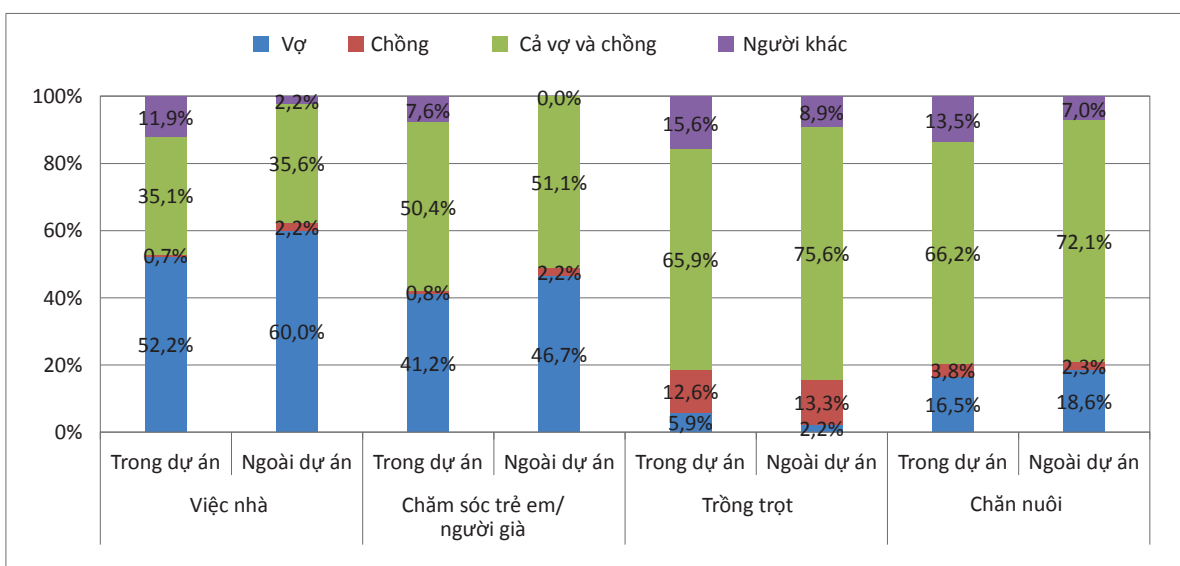
Hình 12: Thành viên đóng góp nhiều nhất vào tổng thu nhập HGD năm 2015 (đơn vị: %)



Nguồn: Khảo sát HGD cuối kỳ 2016

Đối với hoạt động chăm sóc không lương, HGD có vợ là người làm chính vẫn còn chiếm tỷ lệ cao, bao gồm việc nhà 52,2% và chăm sóc trẻ em/người già 41,2%. Tuy nhiên, tỷ lệ này vẫn thấp hơn so với xã ngoài dự án (lần lượt là 60,0% và 46,7%). Các con số này hoàn toàn thống nhất với thực mức độ tiếp cận thông tin liên quan đến chăm sóc không lương đã được phân tích ở trên. Với hoạt động nông nghiệp, khoảng hai phần ba số HGD được khảo sát có vợ và chồng cùng nhau làm. Đối với các HGD còn lại, phần lớn việc chăn nuôi là do vợ làm, trong khi chồng đảm nhiệm việc trồng trọt.

Hình 13: Tỷ lệ người làm chính trong một số công việc của HGD (đơn vị: %)

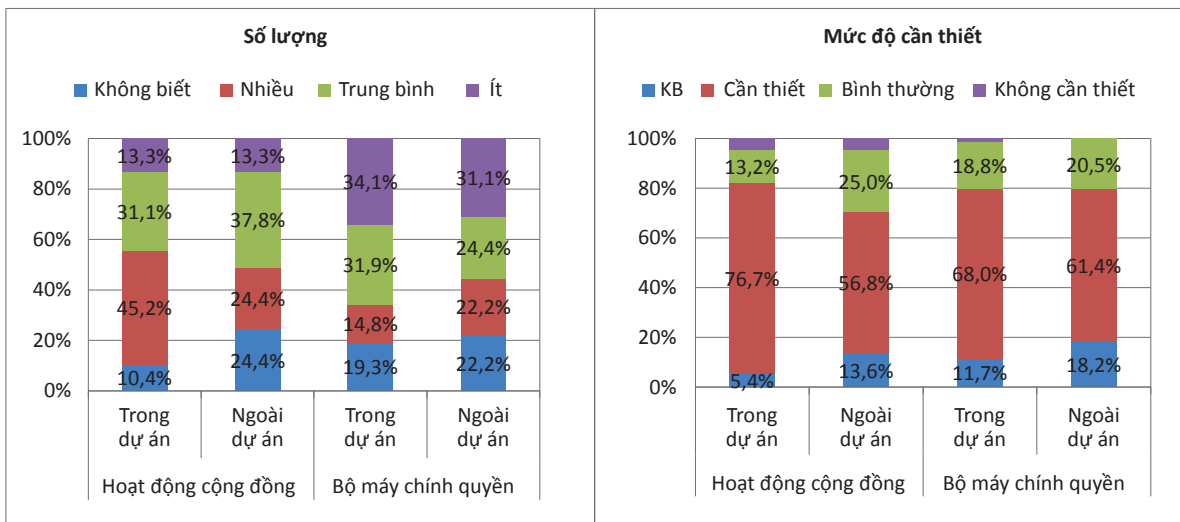


Nguồn: Khảo sát HGD cuối kỳ 2016

iv) Phụ nữ tham gia nhiều hơn vào hoạt động cộng đồng

Trong khi số lượng phụ nữ tham gia và mức độ cần thiết phải thúc đẩy họ tham gia vào hoạt động cộng đồng đã có những chuyển biến tích cực rõ rệt thì việc tham gia bộ máy chính quyền địa phương còn giữ ở mức khiêm tốn. Đối với hoạt động cộng đồng (như các hội, đoàn thể, tổ/nhóm, các CLB), 45,2% NTL trong dự án nhận định là phụ nữ tham gia nhiều, cao hơn so với xã ngoài dự án (chỉ 24,4%) và tăng gần 20 điểm phần trăm so với năm 2013 (25,3%). Tỷ lệ NTL đánh giá việc thúc đẩy phụ nữ tham gia vào hoạt động cộng đồng là cần thiết tăng từ 53,1% lên 76,7% (hơn 23 điểm phần trăm), cao hơn so với xã ngoài dự án (56,8%). Đối với bộ máy chính quyền địa phương, chỉ 14,8% NTL trong dự án cho biết có nhiều phụ nữ tham gia (thấp hơn so với 22.2% ở xã ngoài dự án), trong khi có tới 34.1% trả lời số lượng này là ít.

Hình 14: Sự tham gia của phụ nữ vào Hoạt động cộng đồng và bộ máy chính quyền địa phương (đơn vị: %)

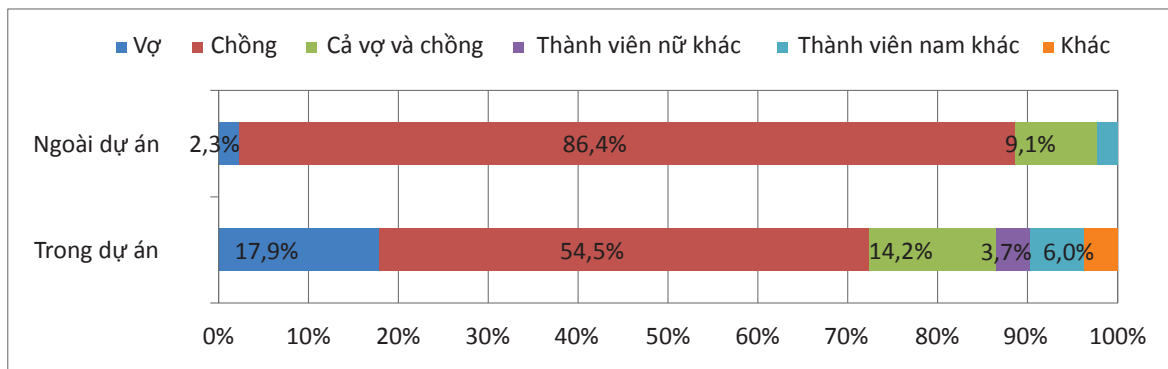


Nguồn: Khảo sát HGD cuối kỳ 2016

Về sự tham gia vào phát triển cộng đồng ở các xã trong dự án, mặc dù còn chưa cao nhưng đã tốt hơn so với ngoài dự án. HGD trong dự án có thành viên nữ thường xuyên tham gia họp thôn chiếm tỷ lệ 35,8%, cao hơn ngoài dự án (11,4%) 24,4 điểm phần trăm. Tuy nhiên, so với 54,5% HGD có một mình chồng là người thường xuyên tham gia nhất, con số này còn khá khiêm tốn.



**Hình 15: Người tham gia các cuộc họp thôn thường xuyên nhất
(đơn vị: %)**



Nguồn: Khảo sát HGD cuối kỳ 2016

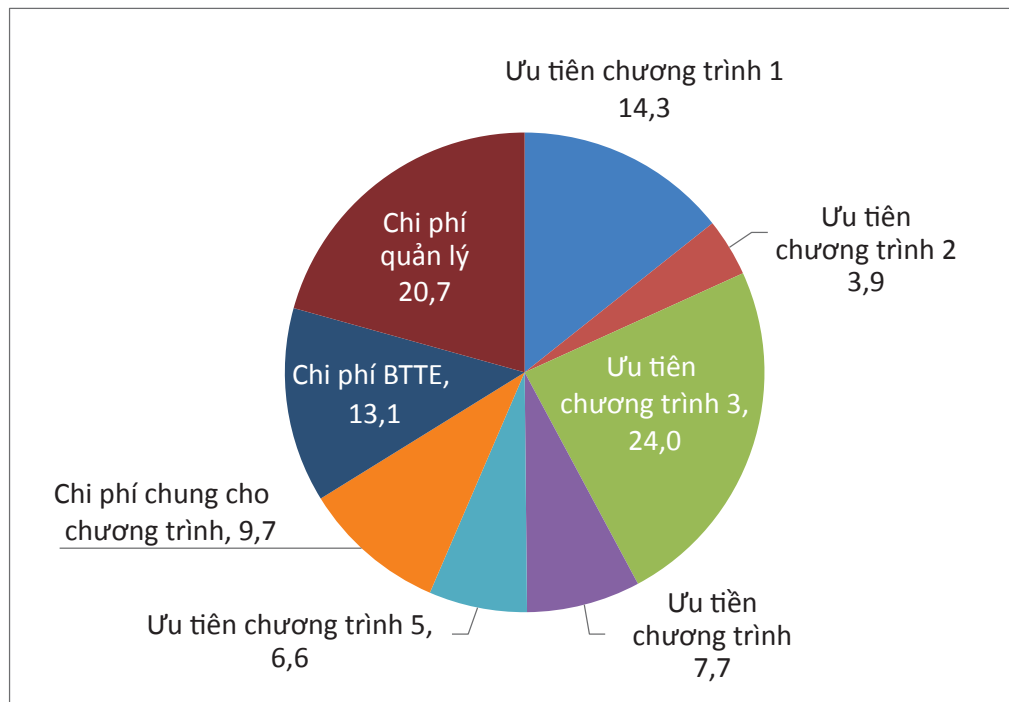
Như vậy, Chương trình Quyền phụ nữ giúp nâng cao năng lực và tiếng nói của phụ nữ ở cộng đồng, giúp họ tích cực hơn trong việc tham gia vào các hoạt động xã hội đầy nhanh và rút ngắn quá trình bình đẳng giới ở các xã miền núi vùng sâu vùng xa như Tam Đường. Cùng với nam giới, người phụ nữ ở Tam Đường đã biết chủ động tham gia vào các hoạt động kinh tế trong gia đình như vay vốn để trồng trọt chăn nuôi, phát triển kinh tế, quyết định cho con cái đi học và rộng hơn nữa họ tham gia vào các buổi họp thôn để cùng quyết định những vấn đề về kinh tế xã hội của địa phương mình. Tuy nhiên, do hoạt động tập huấn chỉ mới được triển khai khá muộn (*năm 2015*) nên khái niệm về chăm sóc không lương vẫn còn tương đối mới với người dân địa phương. Tỷ lệ HGD có một mình người phụ nữ phụ trách việc nhà và chăm sóc trẻ em/người già còn ở mức cao.

2.3. Hiệu suất

Mặc dù kinh phí hoạt động không lớn nhưng LRP14 đã đạt được nhiều kết quả tích cực với hiệu suất tương đối cao. Trong 10 năm triển khai, tổng kinh phí hoạt động của LRP14 chỉ gần 20 tỷ đồng (*trung bình mỗi năm khoảng 2 tỷ đồng*) nhưng đã hỗ trợ trực tiếp cho khoảng 18.190 lượt người và 72.760 người hưởng lợi gián tiếp (*trung bình 218.000 đồng/người*). Trong các cuộc phỏng vấn sâu, lãnh đạo tỉnh Lai Châu, lãnh đạo huyện Tam Đường và lãnh đạo các xã trong dự án đều khẳng định hiệu quả rõ rệt. Kết quả phân tích từ khảo sát định lượng và thảo luận nhóm với người dân cũng chỉ ra điều này.

Chi phí quản lý và chi phí chung cho chương trình chỉ chiếm tỷ trọng khoảng 30%. BQL dự án cấp huyện chỉ gồm 6 người (*1 trưởng ban (cũng là phó chủ tịch huyện), 1 phó ban, 1 kế toán - hành chính, 1 cán bộ Bảo trợ trẻ em - thủ quỹ, và 2 cán bộ chương trình phụ trách 5 ưu tiên chương trình*) nhưng đã đảm bảo được việc triển khai các hoạt động một cách hiệu quả, thể hiện một hiệu suất làm việc tương đối cao.

Hình 16: Cơ cấu ngân sách hoạt động của LRP14 trong giai đoạn 2013-2015



Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo tình hình thực hiện hoạt động thường niên năm 2013, 2014 và 2015.

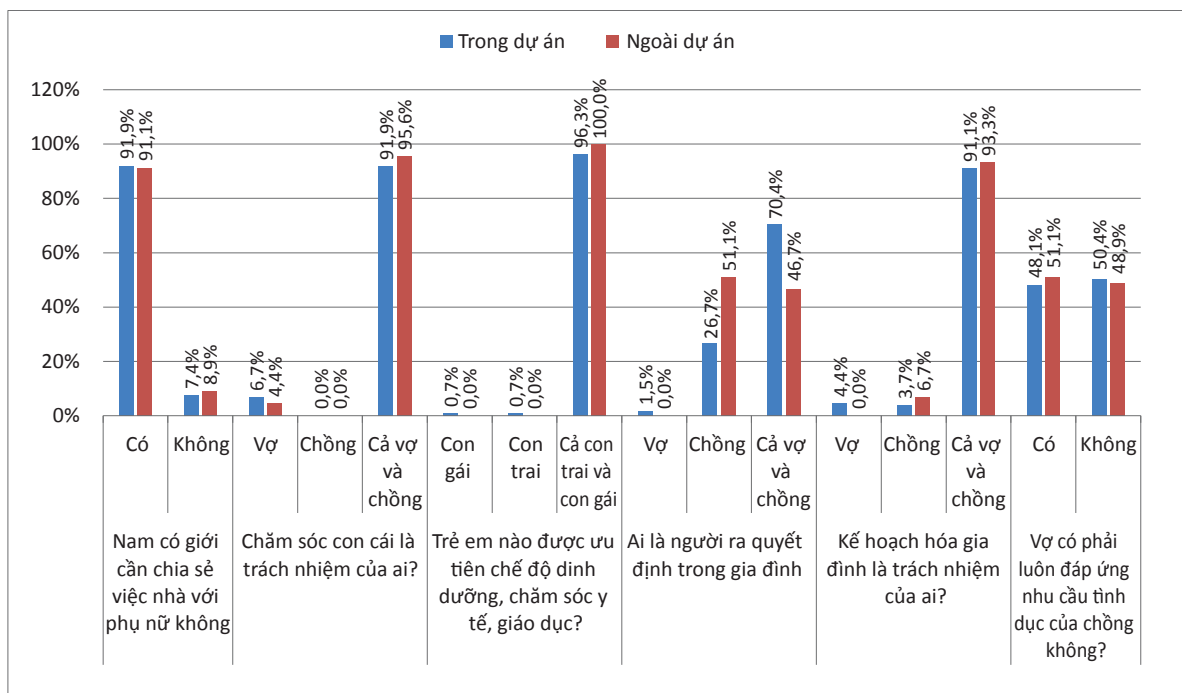
2.4. Tác động

Đánh giá chung về tác động của chương trình, các cán bộ dự án cho biết, tại địa bàn đây là một trong những chương trình dài hơi nhất, nó đã có tác động ít nhiều đến sự phát triển của huyện. Có những tác động có thể nhận thấy được rõ rệt nhưng cũng có những cái là ý thức còn chưa nhìn thấy ngay được.

Nâng cao nhận thức: So với kết quả khảo sát thực hiện năm 2013, nhận thức của người dân về BDG đã được cải thiện đáng kể. Cụ thể, tỷ lệ NTL có quan niệm đúng về chế độ dinh dưỡng, chăm sóc y tế, giáo dục cho trẻ em trai và trẻ em gái đã tăng 47 điểm phần trăm (từ 59,2% lên 96,3%). Tỷ lệ NTL có quan niệm "Chồng phải là người ra quyết định trong gia đình" đã giảm đáng kể, từ 58,7% xuống mức 26,7% (32 điểm phần trăm). Tuy nhiên, quan niệm của NTL về việc vợ phải đáp ứng nhu cầu tình dục của chồng không có nhiều thay đổi và giữ ở mức trung bình. Ngoài ra, các quan niệm đúng khác, như "nam giới cần chia sẻ việc nhà với phụ nữ", "chăm sóc con cái là trách nhiệm của cả vợ và chồng", và "kế hoạch hóa gia đình là trách nhiệm của cả vợ và chồng" vẫn giữ ở mức cao, trên 90% HGD được khảo sát.



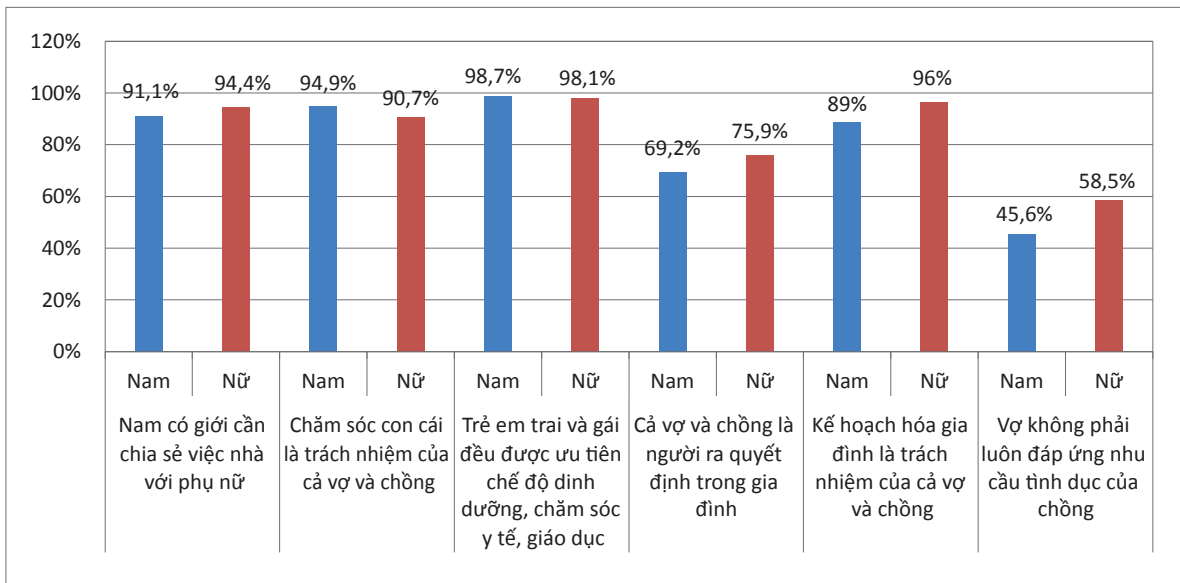
Hình 17: Nhận thức của người dân về bình đẳng giới (đơn vị: %)



Nguồn: Khảo sát HGD cuối kỳ 2016

Phân theo giới tính NTL, nhìn chung tỷ lệ phụ nữ và nam giới có quan niệm đúng về các vấn đề liên quan đến BDG là gần tương đương nhau. Trong một số câu hỏi, tỷ lệ nam trả lời đúng cao hơn nữ (*trách nhiệm chăm sóc và chế độ dinh dưỡng cho con cái*). Trong một số khác, nữ trả lời đúng chiếm tỷ lệ cao hơn (*chia sẻ công việc nhà, quyền quyết định trong gia đình, kế hoạch hóa gia đình và quan hệ tình dục*). Mức chênh lệch cao nhất là 13 điểm phần trăm. Điều này thể hiện sự cải thiện trong nhận thức của cả nam và nữ, chứ không chỉ riêng một đối tượng nào.

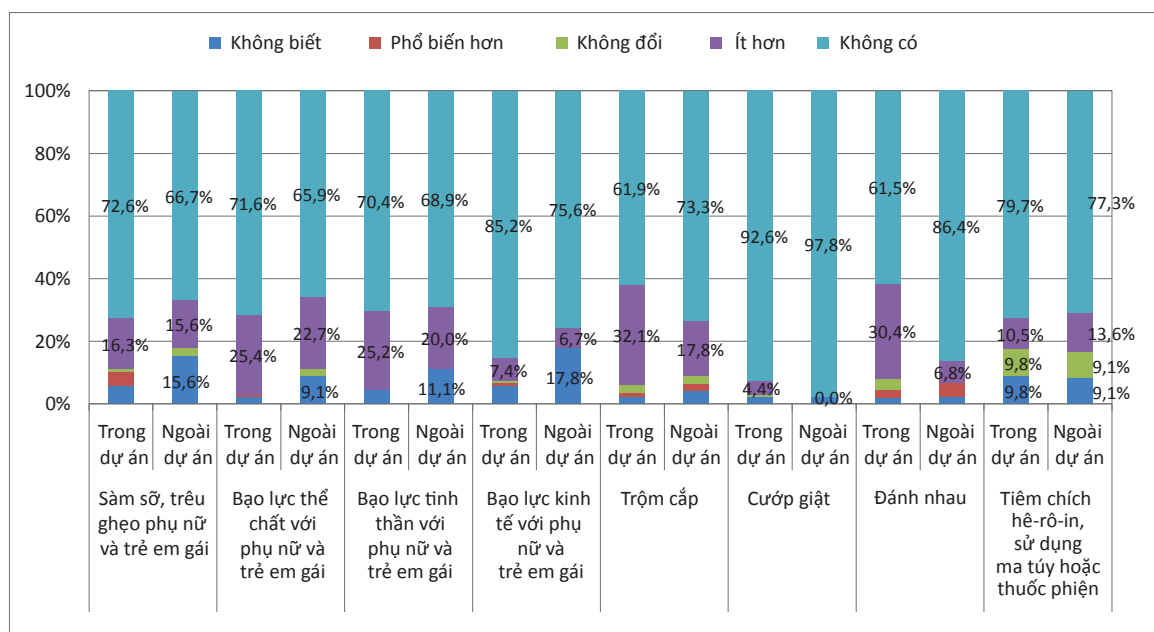
Hình 18: NTL trong dự án có quan niệm đúng về BĐG phân theo giới tính (đơn vị: %)



Nguồn: Khảo sát HGD cuối kỳ 2016

Kết quả khảo sát cũng cho thấy sự cải thiện đáng kể trong sự tôn trọng phụ nữ và các vấn đề an ninh xã hội tại địa phương hiện nay so với 5 năm trước. Đa số NTL, ở xã trong và ngoài dự án, đều đánh giá các tệ nạn xã hội không có hoặc nếu có thì ít hơn trước. Chỉ có một số ít NTL (chưa tới 5%) cho biết hiện tượng sàm sỡ, trêu ghẹo phụ nữ, trẻ em gái, trộm cắp và đánh nhau xảy ra nhiều hơn trước.

Hình 19: Đánh giá mức độ phổ biến của một số tệ nạn xã hội ở địa phương (đơn vị: %)



Nguồn: Khảo sát HGD cuối kỳ 2016

Nâng cao năng lực: Năng lực và thái độ của cán bộ ở các xã cũng được cải thiện khi làm việc, tiếp xúc với người dân. Hầu hết ý kiến tại các cuộc thảo luận nhóm đều đánh giá thái độ làm việc của cán bộ xã là tốt hơn trước kia. Cán bộ thôn, hội phụ nữ đã tự tin hơn rất nhiều khi tham gia vào các khóa tập huấn và có thể truyền đạt lại với người dân ở thôn thông qua các cuộc họp thôn hoặc truyền đạt cho những người sống xung quanh mình. Dưới đây là câu chuyện về sự thay đổi từ một người nông dân bình thường trở thành chủ nhiệm CLB “*Phát triển cộng đồng*”- là CLB được BQL dự án đánh giá là thành công nhất trong vùng dự án.

Câu chuyện 1 - Ưu tiên PP5 - Năng lực phụ nữ nâng cao nhờ CLB “*Phát triển cộng đồng*”

Chị **Hà Thị Khին** sinh năm 1966. Chị là nông dân người dân tộc Thái, sinh sống tại bản Nà Khan, xã Bình Lư. Cuộc sống của chị khá khó khăn khi chồng mất sớm, một mình chị nuôi 2 con từ nhỏ cho đến khi con cái trưởng thành. Cuộc sống của 3 mẹ con vô cùng vất vả, nhưng điều đó càng làm cho chị phải phấn đấu hơn nữa để nuôi 2 con. Chị vừa cấy lúa để có thóc ăn, vừa chăn nuôi dê, trâu, và nấu rượu để cải thiện cuộc sống.

Trong sự khó khăn đó, chị không bi quan mà nỗ lực lao động sản xuất, đồng thời tích cực tham gia vào các hoạt động của AAV. Chị tích cực tham gia các khóa tập huấn về trồng trọt chăn nuôi. Theo chị cho biết, tham gia các hoạt động tập huấn này rất có ý nghĩa thực tiễn với nhu cầu của gia đình chị. Trước khi tập huấn, chị không biết phun thuốc, làm cỏ hay bón phân đúng cách. Nhưng sau khi được tập huấn, chị biết các nhận biết các dấu hiệu khi đi xem ruộng và cho phân kịp thời, đúng lúc.

Chị tham gia Câu lạc bộ “*Phát triển cộng đồng*” giúp chị tự tin hơn nhiều trong cuộc sống. Chị được bầu làm chủ nhiệm CLB phát triển cộng đồng của bản Nà Khan. CLB giao cho chị quản lý nguồn quỹ hành dụng của dự án lúc đầu là 18 triệu. Chị vận động các chị em làm ăn, các chị em cùng vay vốn làm ăn, quỹ hiện nay đã phình lên 38 triệu. Được địa phương và Ban quản lý dự án đánh giá là CLB hiệu quả nhất trong vùng dự án.

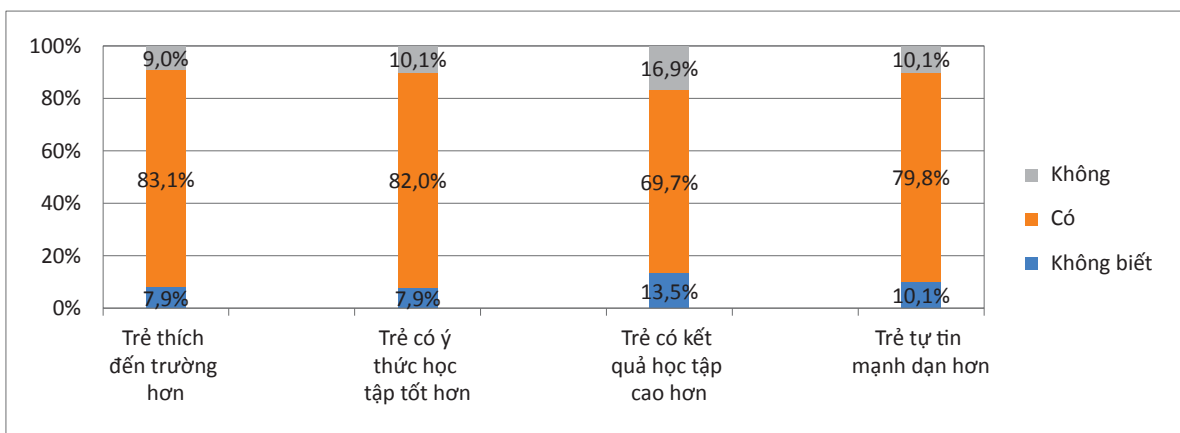
Trong quá trình tham gia vào các hoạt động của dự án, chị cũng đấu tranh với một số khó khăn, như đi tập huấn thì phải tạm gác một số hoạt động sản xuất trong gia đình. Chị không biết đi xe, nên mỗi khi có hoạt động ở xã, ở huyện chị phải chạy bộ cho đúng thời gian.

May mắn là trong hoàn cảnh khó khăn, hai con chị ngoan ngoãn, giúp đỡ chị nhiều trong các công việc đồng áng và ủng hộ chị tham gia vào hoạt động cộng đồng. Hiện nay 2 con chị đều đã lập gia đình và có cuộc sống ổn định. Bên cạnh những ngày lao động vất vả, CLB phát triển cộng đồng của chị có những buổi tổng kết, sinh hoạt chị lại rất nhiệt tình tham gia, vận động các thành viên tham gia để tạm quên đi những khó khăn trong cuộc sống, và có tinh thần lao động tích cực hơn trong thời gian tiếp theo.



Nâng cao chất lượng giáo dục: Đã có những phản hồi tích cực từ phía người dân trong dự án về ảnh hưởng của một số hoạt động liên quan đến giáo dục đến việc học tập và kỹ năng của trẻ. Các hoạt động này bao gồm hỗ trợ cơ sở vật chất cho nhà trường, xây dựng thư viện thân thiện, trao quỹ khuyến học, thành lập và duy trì CLB phóng viên nhỏ,... Nhờ có các hoạt động này mà trẻ thích đến trường hơn (83,1% NTL), trẻ có ý thức học tập tốt hơn (82,0%), trẻ có kết quả học tập cao hơn (69,7%) và trẻ tự tin mạnh dạn hơn (79,8%). Những tín hiệu tích cực này cũng cho thấy đóng góp của LRP14 trong việc đảm bảo Quyền giáo dục cho trẻ em ở vùng dự án.

Hình 20: Tác động của các hoạt động giáo dục đến việc học tập và kỹ năng của trẻ (đơn vị: %)

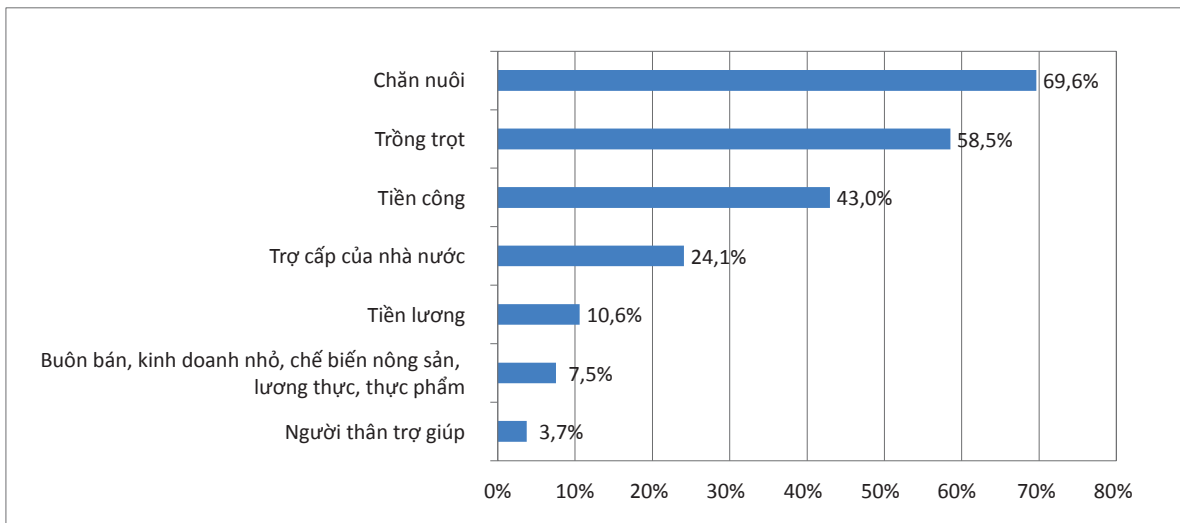


Nguồn: Khảo sát HGD cuối kỳ 2016

Theo ý kiến từ đại diện của phòng Giáo dục huyện Tam Đường, tỷ lệ người mù chữ trong huyện đã giảm đi đáng kể từ khoảng 8% vào năm 2010, đã giảm xuống 4% vào năm 2015. Các hoạt động của Chương trình đã có tác động tích cực đến việc học tập và kỹ năng của trẻ tại vùng dự án. Bên cạnh những hỗ trợ về cơ sở vật chất, dự án đã tập huấn nâng cao năng lực của giáo viên, đặc biệt về phương pháp dạy học, phương pháp dạy tiếng Việt cho trẻ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy và học.

Nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống kinh tế HGD: Sản xuất nông nghiệp là hoạt động tạo thu nhập cho nhiều HGD trong dự án nhất. Các HGD có thu nhập bằng tiền trong năm 2015 từ trồng trọt và chăn nuôi lần lượt chiếm tỷ lệ 69,6% và 58,5%. Tiếp theo là tiền công và tiền trợ cấp của nhà nước. Có tương đối ít HGD có lương, hoạt động buôn bán, kinh doanh nhỏ, chế biến lương thực, thực phẩm và được người thân trợ giúp. Ngoài các nguồn trên, một số HGD còn có thu thập từ dịch vụ môi trường rừng.

Hình 21: Các nguồn thu nhập trong năm 2015 của các HGD trong dự án (đơn vị: %)



Nguồn: Khảo sát HGD cuối kỳ năm 2016

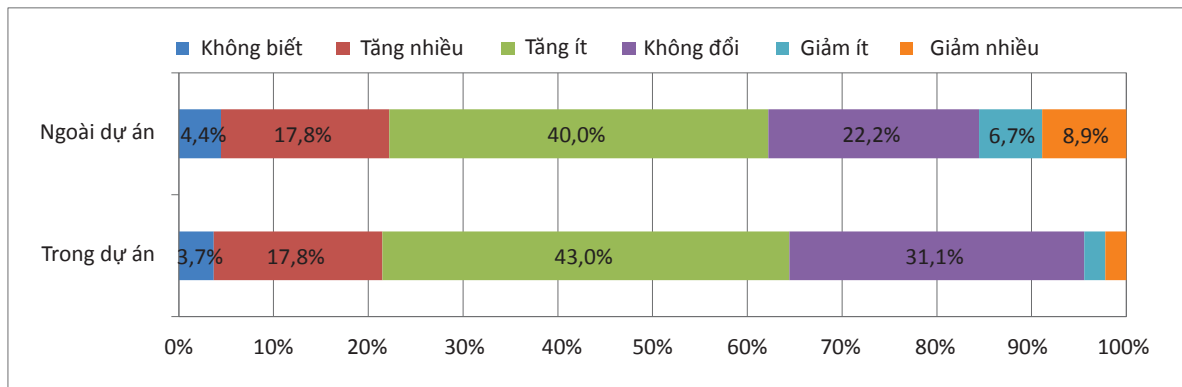
Thu nhập của các HGD đã được cải thiện đáng kể trong năm 2013, được thể hiện thông qua kết quả tính toán cũng như đánh giá chủ quan của NTL. So với số liệu khảo sát năm 2013, thu nhập trung bình năm của các HGD trong dự án năm 2015 đã tăng gần 8 triệu đồng, từ 20 triệu đồng lên 27,9 triệu đồng. Mặc dù tổng thu nhập trung bình năm của các HGD trong dự án cao hơn ngoài dự án (6,3 triệu đồng) nhưng không có sự chênh lệch đáng kể trong hoạt động sản xuất nông nghiệp. Tổng thu nhập trung bình năm từ trồng trọt và chăn nuôi của HGD trong và ngoài dự án khoảng 18 triệu đồng trên một HGD. Đối với xã ngoài dự án, ngoài hai loại cây trồng chính là lúa và ngô, hầu hết các HGD còn trồng thêm thảo quả trên đất rừng để bán nên thu nhập từ trồng trọt cao hơn so với trong dự án. Ngược lại, có thể nhờ LRP14 hỗ trợ về chăn nuôi (bao gồm tập huấn kỹ thuật chăn nuôi, hỗ trợ con giống và máy móc thiết bị) nên hoạt động này của các HGD trong dự án phát triển hơn ngoài dự án, đem lại thu nhập cao hơn. Sự chênh lệch trong tổng thu nhập của 2 khu vực xuất phát từ nguồn tiền công và tiền lương. Theo đánh giá chủ quan của NTL, 57,8% NTL trong dự án đánh giá thu nhập của HGD hiện nay tăng (hoặc ít, hoặc nhiều) so với 5 năm trước. Trong khi đó, chỉ 4,4% NTL trong dự án cho rằng thu nhập của HGD giảm, thấp hơn 11 điểm phần trăm so với ngoài dự án.

Bảng 2: Thu nhập trung bình trên một HGD trong năm 2015 (đơn vị: triệu đồng)

	Trồng trọt		Chăn nuôi		Tổng		Thu nhập ròng
	Thu nhập	Chi phí	Thu nhập	Chi phí	Thu nhập	Chi phí	
Trong dự án	7,7	2,5	10,8	3,5	27,9	6,3	21,6
Ngoài dự án	10,0	1,3	7,5	3,3	20,2	5,0	15,2

Nguồn: Khảo sát HGD cuối kỳ năm 2016

**Hình 22: So sánh thu nhập của HGD hiện nay so với 5 năm trước (2011)
(đơn vị: %)**

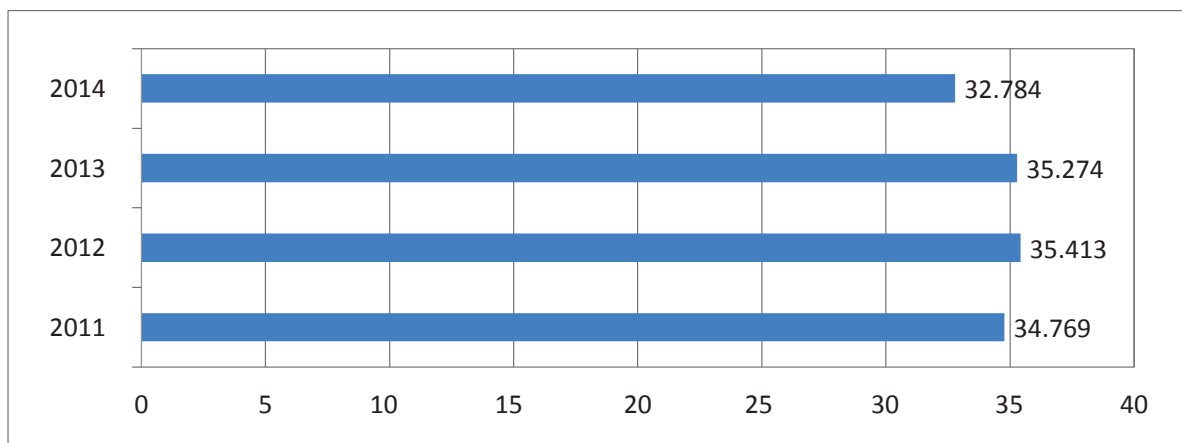


Nguồn: Khảo sát HGD cuối kỳ 2016

Thu nhập của người dân được nâng cao đã góp phần đẩy nhanh tốc độ xóa đói giảm nghèo ở các xã dự án nói riêng, và ở huyện Tam Đường và tỉnh Lai Châu nói chung. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 57% năm 2005 xuống còn 15,3% năm 2015 ở xã Bản Bò; từ 32% năm 2010 xuống còn 9% năm 2015 ở xã Bình Lư. Tỷ lệ hộ nghèo ở huyện Tam Đường cũng giảm mạnh, từ 45,9% năm 2011 xuống chỉ còn 14,7% năm 2015. Sự cải thiện điều kiện sống ở Tam Đường đã góp phần làm giảm tỷ lệ đói nghèo của tỉnh Lai Châu, từ 46,8% năm 2010 xuống còn 20,5% năm 2015.

Tác động đến quản trị và hành chính công: Mặc dù, nền quản trị nhà nước ở các xã trong dự án LRP14 đã được cải thiện trong những năm gần đây, nhưng chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) của tỉnh Lai Châu lại giảm đáng kể trong năm 2014. Chỉ số PAPI trung bình có trọng số của Lai Châu năm 2014 đạt mức 32.784 điểm, giảm gần 2,5 điểm so với 2013 và gần 2 điểm so với 2011. Thứ hạng của Lai Châu giảm 7 bậc, từ vị trí 54 ở năm 2011 xuống vị trí 60 năm 2014 (tính trên 63 tỉnh thành trong cả nước). Như vậy, do chỉ thực hiện ở một khu vực địa lý nhỏ của tỉnh Lai Châu, nên những hiệu quả tích cực của LRP14 chưa mang lại những tác động rõ rệt đến hiệu quả nền quản trị công của tỉnh.

Hình 23: Chỉ số PAPI có trọng số của tỉnh Lai Châu trong giai đoạn 2011-2014



Nguồn: <http://papi.vn>

2.5. Nhân rộng, bền vững

Nhìn chung, nhiều hoạt động của Chương trình đã có tính lan tỏa và được nhân rộng ngay trong quá trình thực hiện. Có được điều này vì AAV đã lựa chọn đối tác thực hiện Chương trình rất phù hợp là Phòng Giáo dục, Hội Phụ nữ và Đoàn thanh niên Huyện Tam Đường. Các tổ chức này ngoài việc tham gia thực hiện các hoạt động theo Chương trình của AAV ở các xã tham gia Chương trình còn có các hoạt động theo chức năng của họ trên toàn địa bàn Huyện. Chính vì vậy việc lan tỏa, nhân rộng lan tỏa, nhân rộng các cách làm, mô hình hay của AAV ra toàn vùng là rất thuận lợi.

Những hoạt động sau đây được lấy ý kiến và đánh giá mức độ bền vững trong điều kiện không còn kinh phí của chương trình, một trong những nguồn lực quan trọng để đảm bảo mức độ bền vững. Nhìn chung chương trình đã được nhân rộng đến những vùng lân cận và những tác động về mặt truyền thông sẽ là những tác động bền lâu ăn sâu vào ý thức của người dân vùng dự án.

Thúc đẩy các giải pháp sinh kế thay thế và nông nghiệp bền vững: Chương trình được nhìn nhận bằng sự nâng cao năng lực của người dân và tính lan tỏa của trong các hoạt động khuyến nông, kỹ thuật canh tác và chăn nuôi. Những người tham gia vào các mô hình này đều cho biết, họ đã mở rộng quy mô trồng trọt và chăn nuôi để tiện công chăm sóc.

CLB phát triển cộng đồng đã được thành lập sẽ tiếp tục duy trì các hoạt động. Nhiều nhóm có số quỹ hiện nay lớn gấp đôi, gấp 3 lần số vốn ban đầu. Do đó, những hoạt động sinh hoạt của CLB vẫn tiếp tục được duy trì và phát triển. Mô hình các CLB chia sẻ giúp đỡ nhau làm kinh tế phát triển mạnh mẽ, không chỉ về quy mô của các nhóm được Chương trình hỗ trợ, mà còn lan rộng tạo ra việc hình thành một số CLB ở các xã trong dự án như xã Bình Lư.

Nâng cao trách nhiệm giải trình và tình đoàn kết nhân dân nhằm tạo thay đổi xã hội, tăng cường lãnh đạo trẻ và tín nhiệm xã hội dân sự: Hoạt động mà các địa phương nói chung đang hướng tới là công khai và minh bạch trong việc lập các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hoặc các hoạt động phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ công. AAV đã đẩy mạnh hoạt động dân chủ cơ sở ở địa phương, gắn kết vào những hoạt động cụ thể của chương trình. Theo đó, người dân được tham gia vào các hoạt động lập kế hoạch của thôn, xã. Có thể hiểu rằng, về phía nhà nước, đã có HĐND các cấp để lấy tiếng nói từ nhân dân. Về phía chương trình, ý kiến cũng được lấy từ người dân thông qua các cuộc họp tổ, nhóm, thôn. Hoạt động này theo đánh giá của các xã mang tính bền vững và có thể nhân ra trên quy mô rộng hơn.

Với nguồn ngân sách hạn chế, việc sử dụng người địa phương để tập huấn về dịch vụ công là một trong những sự lựa chọn bền vững. Bản thân người giảng sẽ củng cố được kiến thức và phục vụ cho công việc của họ. Là người địa phương, người giảng sẽ hiểu rõ hơn tình hình kinh tế, chính trị xã hội cũng như tình trạng dân cư. Do đó, cách giải thích và ví dụ đưa ra thực tế và dễ hiểu đối với người dân. Mặt khác, sử dụng lực lượng này sẽ gắn kết hơn và tạo niềm tin hơn giữa người dân và chính quyền.

Thúc đẩy bình đẳng trong tiếp cận giáo dục cho trẻ em: Một trong những thành công được ghi nhận nhất của Chương trình này là hoạt động xóa mù chữ cho những người lớn tuổi, được thực hiện ngay từ những năm đầu tiên. Sau khi học xong lớp xóa mù, hầu hết những người tham gia đều có khả năng đọc và viết tốt hơn. Những người biết ít nhất thì cũng đã biết viết và đọc tên mình. Những người xuất sắc hơn họ biết đọc hướng dẫn sử dụng hạt

giống, biết đi chợ, vào cửa hàng mua đồ, biết ra bến xe đón xe khách đi ra các huyện khác. Điều này làm cuộc sống của họ trở nên thuận tiện hơn rất nhiều so với trước đây. Một bằng chứng rất rõ ràng là ngay tại các cuộc thảo luận nhóm để thực hiện Đánh giá này, chúng tôi thấy tất cả người tham gia là phụ nữ của các xã trong dự án đều có khả năng ký tên của mình; trong khi đó, ở xã ngoài dự án chỉ có duy nhất một người trong số mười người tham gia biết ký tên, còn lại đều phải điểm chỉ.

Hoạt động mang tính bền vững ở đây không chỉ vì tính tác động, ít tốn kém của chúng, mà còn vì khả năng được nhân rộng ở các trường ngoài dự án trong điều kiện của địa phương.

Ví dụ: Mô hình trường học thân thiện sẽ bền vững đối với các trường nói chung. Trong mô hình trường học thân thiện có nhiều hoạt động cần được bền vững, ví dụ như việc dạy các kỹ năng mềm cho học sinh (*phòng chống bệnh tật thông thường, phòng chống tai nạn giao thông, tai nạn thương tích, kỹ năng giao tiếp, xử lý vấn đề, vệ sinh răng miệng*), thư viện lớp học, tủ sách dùng chung....Trong điều kiện không có kinh phí, những kỹ năng này có thể lồng ghép vào các giờ giảng.

Ứng phó với tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu bằng các phương pháp lấy con người làm trung tâm: Sự hỗ trợ của chương trình trong phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai như tập huấn nâng cao nhận thức của người dân về rừng, bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng là rất phù hợp với tình hình của địa phương và mong muốn của người dân. Thông qua các hoạt động này người dân có ý thức bảo vệ rừng để chống xói mòn đất, chống lũ quét và chống những rủi ro do con người tàn phá thiên nhiên gây ra.

Xây dựng các giải pháp xã hội và chính trị cho phụ nữ và trẻ em gái: Các hoạt động phòng chống bạo lực gia đình, quyền trẻ em, quyền phụ nữ thông qua việc duy trì sinh hoạt các nhóm phụ nữ và câu lạc bộ phụ nữ là cần thiết. Ban ngành xã cho biết, hoạt động này vẫn được duy trì tuy không nhiều bằng trước. Các hoạt động này được lồng ghép trong cuộc họp của chi hội tại thôn, chi phí không tốn nhiều, hơn nữa bên chi hội Phụ nữ có ngân sách dành cho các hoạt động của hội. Ngoài ra, tiếp tục hoạt động của nhóm thanh niên nhiệt huyết là khả thi. Nhóm này vẫn tiếp tục hỗ trợ thiếu niên dịp hè với các kỹ năng sống và các hoạt động khác trong cộng đồng. Tuy nhiên, phạm vi tổ chức có thể ở một mức độ nhỏ hơn do thiếu kinh phí.





PHẦN III. NHỮNG CÂU CHUYỆN ĐIỂN HÌNH VỀ SỰ THAY ĐỔI TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

3.1. Ưu tiên PPI - Mạnh dạn áp dụng kỹ thuật mới cải thiện hoạt động chăn nuôi



Anh **Lù A Páo**, người dân tộc Dao, 39 tuổi đang sống cùng vợ và 2 con tại bản Nhiều Sang, xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu là gương mặt điển hình phát triển mô hình nuôi lợn trắng nhờ hỗ trợ của Chương trình LRP14.

Được tham gia nhóm sở thích nuôi lợn Nhiều Sang, và được bầu làm nhóm phó từ năm 2013, hoạt động chăn nuôi của gia đình anh đã được cải thiện đáng kể. Trước đây, gia đình anh Páo chỉ nuôi một hoặc hai con lợn đen, thả tự do bên ngoài, không cần chuồng trại, chăm sóc và tiêm phòng bệnh nên hiệu quả không cao. Từ khi được tập huấn mô hình nuôi lợn trắng sinh sản và được dự án hỗ trợ 1 con lợn nái. Mỗi năm, lợn nái đẻ 2 lứa, mỗi lứa khoảng 10 con. Không bán lợn giống vì không được bao nhiêu tiền, mà để nuôi lớn, bán lợn thịt với giá cao hơn. Đến nay, lợn nhà anh Páo đã bán 3 lứa, thu về khoảng 27 triệu đồng một lứa. Năm 2015, thu nhập của gia đình anh sau khi trừ chi phí được khoảng 50 triệu đồng, tăng so với trước đây (chỉ khoảng 30 triệu). Anh phân tích, "tuy dễ bán và được giá hơn nhưng lợn đen lại khó nuôi và lớn chậm. Ngược lại, lợn trắng thường có giá rẻ hơn nhưng dễ nuôi, ăn tốt và lớn nhanh".

Trước không tiêm phòng, dịch bệnh nhiều, vật nuôi chết nhiều mà không biết vì bệnh gì mà nó chết. Giờ được tập huấn, biết được triệu chứng có các loại bệnh phổ biến nên phát hiện được ra bệnh và tự mua thuốc về tiêm, vật nuôi ít chết hơn trước. Thỉnh thoảng, anh cũng đi tiêm phòng, chữa bệnh giúp mọi người.

Anh Páo cũng mất một thời gian để quen với kiến thức và kỹ thuật chăn nuôi mới. *"Khi mới tham gia thì mình không hiểu kiến thức tập huấn mới do trình độ văn hóa kém, chỉ học hết lớp 5. Nhưng đi tập huấn nhiều, trao đổi thêm với cán bộ dự án, trưởng nhóm và các thành viên khác, về nhà đọc thêm tài liệu tập huấn, dần dần mình cũng hiểu ra và áp dụng được"* anh Páo chia sẻ. Giờ thì anh Páo đã biết cách làm chuồng, cách chăm sóc, tiêm phòng dịch bệnh và phòng chống rét cho lợn và các vật nuôi khác.

Năm 2015, gia đình anh Páo đã mạnh dạn vay vốn ngân hàng để đầu tư cho trồng trọt và chăn nuôi. Anh dành khoảng 20 triệu đồng để mua thức ăn tăng trọng và ngô cho lợn, mua phân bón cho lúa và ngô. Anh cho biết sẽ tiếp tục duy trì hoạt động chăn nuôi lợn, cả lợn nái và lợn thịt. Anh cũng tìm hiểu thêm về các loại giống mới, đặc biệt là lợn Móng Cái, hướng tới việc mở rộng chăn nuôi.

3.2. Ưu tiên PP4 - Áp dụng kiến thức mới giảm nhẹ rủi ro thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu



Anh **Lù Thanh Bình**, 35 tuổi, là người dân tộc Dao, hiện đang sinh sống cùng gia đình ở bản Nhiều Sang, xã Hồ Thành, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu. Được tham gia hoạt động của LRP14 từ năm 2009, anh Bình đã áp dụng thành công nhiều kiến thức mới và chia sẻ cho mọi người, đặc biệt là phòng chống rét cho vật nuôi.

Bản Nhiều Sang có điều kiện khí hậu khá khắc nghiệt: núi cao, lạnh và nhiều sương mù nên chăn nuôi gặp nhiều khó khăn. Anh Bình kể lại *"năm 2007, chưa rét như năm nay mà cả bản Nhiều Sang chết 56 con trâu. Riêng nhà mình chết 2 con"*. Nguyên nhân là do người dân địa phương thường thả vật nuôi tự do, không có chuồng trại, không biết giữ ấm cho vật nuôi. Nhờ tham gia lớp tập huấn phòng chống rét cho gia súc gia cầm mà anh Bình đã học hỏi được nhiều biện pháp giữ ấm cho vật nuôi, giảm tỷ lệ vật nuôi chết rét. *"Mình biết cách làm chuồng. Khi trời trở rét, biết cách làm áo cho trâu, nhóm lửa gần chuồng để giữ ấm; biết ủ rơm khô dự trữ cho trâu. Phòng khi trời rét quá, không thả được thì dùng; biết bỏ trấu cho lợn nằm"* anh Bình chia sẻ. Nhờ vậy mà năm nay, rét nhiều nhưng bản Nhiều Sang và nhà anh, vật nuôi không chết con nào.

Ngoài ra, anh Bình cũng thường xuyên giúp đỡ người dân trong bản. Anh cho một số hộ vay tiền mua phân bón, phổ biến kiến thức sản xuất nông nghiệp, hướng dẫn làm chuồng trại, cách chống rét cho vật nuôi, cách gieo lúa, trồng ngô. Anh chia sẻ *"dù mất thời gian nhưng mình được đi học hỏi, về phải tuyên truyền lại cho bà con"*.

3.3. Ưu tiên PP5 - Tham gia vào dự án, tự tin hơn trong cuộc sống

Chị **Đèo Thị Thư**, sinh năm 1984 sinh sống tại bản Nà Ly, xã Bản Bo huyện Tam Đường. Chị sống riêng cùng chồng và hai con nhỏ, con lớn 10 tuổi và con nhỏ 6 tuổi. Hai vợ chồng chị sống bằng việc trồng ngô, lúa và chăn nuôi lợn gà, chị có nấu thêm rượu bán để cải thiện cuộc sống. Từ những năm 2009-2010 chị tham gia vào các hoạt động của dự án AAV. Các hoạt động liên quan đến tập huấn mô hình sinh kế như mô hình chăn nuôi lợn sinh sản. Chị cho biết khóa tập huấn này giúp ích rất nhiều cho chị, trước đây các kiến thức về chăn nuôi lợn còn kém và nuôi chưa khoa học. Sau khi đi tập huấn, chị biết cách chăm sóc lợn theo đúng thời điểm. Thời điểm mang thai cho ăn như thế nào, lợn con thì cho ăn như thế nào....



Bên cạnh các khóa tập huấn về mô hình sinh kế chị còn được tham gia tập huấn về bình đẳng giới, được tham gia các câu lạc bộ như CLB “*trách nhiệm cùng chia sẻ*”. Tham gia CLB làm chị mạnh dạn, tự tin hơn trước, chị được gặp gỡ bạn bè giao lưu với các chị em về các kiến thức trong cuộc sống. Không chỉ tâm sự chuyện làm ăn kinh tế mà các chị em còn khuyên nhủ động viên các vấn đề về gia đình về chồng, về con. Các chủ đề sinh hoạt trong CLB rất phong phú, nội dung luân phiên theo tháng như về nội dung trồng chè, chăm sóc chè, chăn nuôi lợn, phòng chống bạo lực gia đình, phòng chống ma túy, phòng chống buôn bán phụ nữ.

Qua các buổi tập huấn bổ ích này, thành viên thích thú và tham gia tích cực, chị được bầu làm chủ nhiệm CLB “*Trách nhiệm cùng chia sẻ*”. Chị thường lựa chọn chủ đề để giao lưu với chị em, chị còn được mời làm giảng viên cho lớp tập huấn về “*Phòng chống thiên tai tại xã Nà Tăm*” năm 2015 vừa qua.

Chị cho biết rất cảm ơn dự án AAV, giúp gia đình chị được tập huấn phát triển kinh tế, nhờ đó kinh tế gia đình cũng khá lên năm ngoái sản xuất kinh tế dư ra nhà chị mua thêm được một mảnh đất gần nhà để đào ao, thả cá. Không chỉ thế, từ một người nhút nhát, chị đã mạnh dạn tự tin hơn rất nhiều trong cuộc sống. Chị cùng chồng đóng góp ý kiến làm kinh tế, và được tham gia các hoạt động cộng đồng, như sinh hoạt các CLB được giao lưu với các chị em không chỉ trong xã mà còn ở xã khác trong huyện.



PHẦN IV. KẾT LUẬN

4.1. Những thành công nổi bật của Chương trình

Qua 10 năm thực hiện và triển khai hoạt động tại huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, Chương trình LRP14 can thiệp dựa trên các quyền cơ bản của con người để lại dấu ấn đậm nét về những thành công và bài học kinh nghiệm cho chính quyền các cấp ở địa phương và những người hưởng lợi tại nơi đây.

Ưu tiên PP1: Thúc đẩy các giải pháp sinh kế thay thế và nông nghiệp bền vững

Nhìn chung các hoạt động về an ninh lương thực của AAV được cán bộ các cấp và người dân ghi nhận và đánh giá cao. Mặc dù còn có một số hoạt động không thành công, nhưng nhìn nhận một cách khách quan, nhiều hoạt động đã thực sự giúp người dân nâng cao thu nhập sau khi mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và áp dụng những kiến thức từ các khóa tập huấn của AAV vào hoạt động sản xuất trong gia đình.

Ưu tiên PP2: Nâng cao trách nhiệm giải trình và tinh đoàn kết nhân dân nhằm tạo thay đổi xã hội, tăng cường lãnh đạo trẻ và tín nhiệm xã hội dân sự

Chương trình này có hoạt động nổi bật như tập huấn về cải cách hành chính, giúp người dân có thể rút ngắn thời gian khi làm thủ tục hành chính ở địa phương; hoạt động phân tích ngân sách (*PTNS*); các khóa tập huấn giúp nâng cao năng lực của cán bộ, các ban ngành đoàn thể xã trong việc hiểu rõ ngân sách của địa phương từ đó giúp họ nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc đóng góp, quản lý và giám sát việc chi tiêu ngân sách tốt hơn.

Ưu tiên PP3: Thúc đẩy bình đẳng trong tiếp cận giáo dục cho trẻ em

Chương trình đã chung tay giúp địa phương xóa mù chữ cho những người lớn tuổi, giúp họ cảm thấy tự tin và thuận tiện hơn trong cuộc sống, nhất là khi đi ra ngoài giao tiếp với xã hội. Đối với các chương trình giáo dục chính quy, Chương trình giúp nâng cao năng lực cho giáo viên về các phương pháp dạy học tích cực, hỗ trợ việc trang trí trường lớp ở bậc tiểu học và tổ chức các hoạt động ngoại khóa ở trường lớp. Những hoạt động này giúp các em học sinh yêu trường yêu lớp hơn, giảm tỷ lệ trẻ bỏ học, trẻ chán học.

Chương trình giúp các em có kỹ năng sống tốt hơn, các cuộc thi giúp các em trau dồi kiến thức sách vở và bồi đắp thêm khả năng thể hiện bản thân trong việc biến ước mơ thành hiện thực. Đồng thời, các hoạt động ngoại khóa giúp các em hiểu được ý nghĩa của việc học tập, có động cơ đến trường, giảm tỷ lệ bỏ học, nâng cao dân trí ở địa phương.

Chương trình đồng thời mang lại lợi ích cho các bên liên quan đến hoạt động BTT &HVT như nhà trường, giáo viên, lãnh đạo chính quyền địa phương và phụ huynh học sinh. Các hoạt động này cũng giúp san sẻ một phần gánh nặng về kinh tế cho các gia đình trong việc học hành của con cái. Chứng kiến sự quan tâm của nhà trường và các ban ngành và tổ chức có liên quan tới con em mình, phụ huynh cũng từng bước nâng cao ý thức trách nhiệm tới việc học hành của con em mình, sẵn sàng tham gia vào các hoạt động xây dựng nhà trường dưới hình thức đóng góp nhân lực và vật lực.

Ưu tiên PP5: Xây dựng các giải pháp xã hội và chính trị cho phụ nữ và trẻ em gái

Đây là một trong những chương trình thành công nhất ở Tam Đường. Chương trình giúp nâng cao năng lực và tiếng nói của phụ nữ ở cộng đồng, giúp họ tích cực hơn trong việc tham gia vào các hoạt động xã hội đầy nhanh và rút ngắn quá trình Bình đẳng giới ở các xã miền núi vùng sâu vùng xa như Tam Đường. Cùng với nam giới, người phụ nữ ở Tam Đường



đã biết chủ động tham gia vào các hoạt động kinh tế trong gia đình như vay vốn để trồng trọt chăn nuôi, phát triển kinh tế, quyết định cho con cái đi học và rộng hơn nữa họ tham gia vào các buổi họp thôn để cùng quyết định những vấn đề về kinh tế xã hội của địa phương.

Đây cũng là chương trình nhìn thấy hiệu quả rõ nét nhất, được đông đảo phụ nữ tham gia và ủng hộ. Sau khi Chương trình kết thúc và chuyển giao lại cho địa phương thì những giá trị mà LRP14 hỗ trợ cho người phụ nữ vẫn còn tồn tại vì đã ăn sâu vào nhận thức của cộng đồng.

4.2. Những ưu điểm, thuận lợi của Chương trình

- i. Đối với một huyện miền núi còn khó khăn như Tam Đường, được AAV tài trợ thông qua Chương trình hỗ trợ phát triển hướng tới mục tiêu phát triển KT-XH và nâng cao nhận thức của người dân là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng nhu cầu của chính quyền địa phương và những người hưởng lợi. Do đó chương trình nhận được sự quan tâm và những cam kết hỗ trợ của chính quyền địa phương ở các cấp và sự tham gia của cộng đồng.
- ii. Hoạt động của chương trình đã triển khai kéo dài được 10 năm, thời gian thực hiện chương trình khá dài, không giống các dự án khác chỉ có vòng đời từ 4-5 năm. Chương trình có nguồn vốn ổn định để duy trì các hoạt động như tập huấn, nâng cao năng lực tạo ra được sự thay đổi rõ rệt ở phía người hưởng lợi. Một số mô hình sinh kế thành công cũng được nhìn thấy và cần được nhân lên như chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nuôi lợn sinh sản.



- iii. Cách tiếp cận của chương trình là cách tiếp cận mới, mang tính nhân văn dựa trên quyền con người: quyền có lương thực, quyền bình đẳng, quyền phụ nữ và trẻ em gái, quyền trẻ em, quyền giáo dục, quyền được hưởng nền quản trị công bằng và dân chủ...
- iv. Ban giám hiệu và các thầy cô giáo cùng toàn thể các em học sinh của các trường đóng trên địa bàn 85 xã cũng có những đóng góp nhiệt tình trong kết quả đã đạt được của dự án trong những năm qua.
- v. Cán bộ chương trình của AAV trực tiếp tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật sát sao các hoạt động tại cộng đồng. Cán bộ quản lý chương trình tại Huyện cũng thường xuyên, kịp thời có mặt ở các xã dự án để thực hiện các hoạt động của chương trình.

4.3. Một số hạn chế, khó khăn trong việc thực hiện Chương trình

- i. Chương trình thực hiện ở 5 xã trong đó có 4 xã khó khăn của huyện Tam Đường, do thời tiết, do địa hình nằm ở vùng cao, vùng sâu vùng xa nên việc triển khai dự án gặp khó khăn khi cán bộ quản lý dự án, các đối tác thực hiện huy động người dân nằm rải rác ở các thôn bản tham gia vào hoạt động.
- ii. Do điều kiện địa lý, là tiểu vùng khí hậu, khí hậu mưa nắng thất thường, ảnh hưởng nhiều đến việc sản xuất của người nông dân. Do đó điều kiện khí hậu khắc nghiệt cũng ảnh hưởng tới một số kết quả về hoạt động An ninh lương thực của Chương trình.
- iii. Cơ chế phối hợp, báo cáo, chia sẻ thông tin với lãnh đạo và các tổ chức khác ở một số xã chưa thực sự tốt, chỉ những người thực hiện chương trình ở xã là nắm chắc nội dung và kết quả các hoạt động.



- iv. Khi Chương trình kết thúc, việc duy trì các hoạt động có thể sẽ khó khăn do người dân “quen” với việc tham gia các hoạt động là được hỗ trợ. Khi không được hỗ trợ hoặc mức hỗ trợ thấp hơn sẽ khó thu hút sự tham gia của họ.
- v. Nhận thức của người dân còn hạn chế, người dân còn e dè khi tham gia vào các hoạt động của Chương trình. Một số người tham gia rồi cũng không nhớ hoặc không biết là Chương trình của AAV, không phân biệt được Chương trình của AAV và các chương trình khác của nhà nước.
- vi. Kinh phí của chương trình còn hạn chế trong khi cán bộ thực hiện chương trình ở địa phương phải kiêm nhiệm nhiều việc. Theo ý kiến của cán bộ xã, họ làm những chương trình này rất kỹ và chi tiết, đòi hỏi nhiều thời gian, trong khi mức thù lao lại ít, không có tiền xăng xe đi lại... những vấn đề này có thể sẽ ảnh hưởng một phần nào đó tới công việc.

4.4. Bài học và khuyến nghị

- i. Cần thiết lập hệ thống theo dõi, đánh giá chặt chẽ hơn về để kịp thời phát hiện những điểm còn chưa phù hợp hoặc chưa được thực hiện theo yêu cầu. Cần có hướng dẫn cụ thể và ngắn gọn về giám sát đánh giá, lưu trữ hồ sơ, xây dựng kế hoạch, cách theo dõi, tổng hợp và phân tích báo cáo, dựa theo những chỉ số ban đầu hoặc trong từng giai đoạn của chương trình.
- ii. Song song với hoạt động tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi thì nên có một phần vốn để hỗ trợ người tham gia có điều kiện chăn nuôi, sản xuất để nâng cao hiệu quả. Các khóa tập huấn về trồng trọt, chăn nuôi không chỉ tập huấn một lần, mà cần tăng cường tập huấn cho những người tham gia sau.

- iii. Việc lựa chọn mô hình sinh kế cần dựa trên cơ sở những đánh giá nhu cầu, sở thích và có tiềm lực để tiếp tục thực hiện mô hình sau tập huấn. Cần căn cứ trên điều kiện khách quan của địa phương, tham khảo ý kiến các chuyên gia về nông nghiệp của địa phương để triển khai hiệu quả tránh việc không thể triển khai gây lãng phí trong việc đầu tư của chương trình.
- iv. Các hoạt động tập huấn về bình đẳng giới, phòng chống Bạo lực gia đình nên có sự tham gia của cả nam và nữ để đạt hiệu quả cao hơn.
- v. Đối với hoạt động hướng vào trẻ nên mở rộng số lượng điểm trường được hưởng lợi từ các hoạt động này. Các hoạt động hướng vào trẻ thường chỉ được tổ chức ở các điểm trường chính (*do có số lượng học sinh lớn nhất*). Tuy nhiên, bảo đảm tính kinh tế của các hoạt động mà vẫn đem lại lợi ích cho học sinh tại các điểm trường lẻ, mỗi một hoạt động nên có sự kết hợp luân phiên giữa trường chính và điểm trường lẻ.
- vi. Phối hợp với các ban ngành để lồng ghép, tiếp tục thực hiện các hoạt động mà Chương trình đã gây dựng và có kết quả thành công. Tiếp tục hỗ trợ kết nối cán bộ Chương trình với các tổ chức tài trợ khác để họ có thể tiếp tục phát triển và duy trì những hoạt động mà AAV đã đặt nền tảng.
- vii. Mặc dù trong thời gian qua cả tỉnh Lai Châu, huyện Tam Đường nói chung và AAV nói riêng đã có rất nhiều nỗ lực trong việc hỗ trợ người dân đảm bảo các quyền con người, phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện quản trị công. Nhưng đánh giá chung về năng lực cạnh tranh và quản trị của Lai Châu hầu như chưa được cải thiện. Lai Châu vẫn là một trong những tỉnh nghèo nhất nước, chỉ số PCI và PAPI luôn xếp hạng thấp trong cả nước. Vì vậy, Lai Châu nói chung và huyện Tam Đường nói riêng vẫn rất cần các hỗ trợ trong thời gian tới từ mọi nguồn lực, đặc biệt là từ phía AAV với cách tiếp cận dựa trên quyền con người mang tính nhân văn và hiệu quả. Điều này cũng phù hợp với mong muốn của các cấp lãnh đạo từ tỉnh đến huyện, xã của Lai Châu.

ACTIONAID VIỆT NAM

Văn phòng Đại diện

Tầng 5, 127 phố Lò Đúc, Hà Nội, Việt Nam

ĐT: +84 4 3943 9866, Fax: +84 4 3943 9872

Email: mail.aav@actionaid.org

Website: www.actionaid.org/vi/vietnam